

Số: 177 /TM-BV

Châu Đốc, ngày 24 tháng 05 năm 2024

THƯ MỜI

Về việc mời chào giá gói thầu Mua sắm Hóa chất, vật tư, thiết bị y tế năm 2024

Kính gửi: Các đơn vị sản xuất, nhà cung cấp Hóa chất, vật tư, thiết bị y tế

Bệnh viện ĐKKV Tỉnh An Giang kính gửi lời chào trân trọng và cảm ơn sự hợp tác của Quý công ty trong thời gian qua.

Bệnh viện đang xây dựng gói thầu: Mua sắm Hóa chất, vật tư, thiết bị y tế năm 2024. Nay trân trọng kính mời Quý công ty quan tâm chào giá theo yêu cầu như sau:

I. Thông tin của đơn vị:

- Bệnh viện ĐKKV tỉnh An Giang. Địa chỉ: số 917 Tôn Đức Thắng, phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Địa chỉ email gửi báo giá
1.	Nguyễn Đại Ngân	P. Trưởng phòng	0986.449.390	phongvattuttyt@ gmail.com
2.	Phan Thị Thuận	Nhân Viên	0975.500.019	

3. Tên dự toán: Mua sắm Hóa chất, vật tư, thiết bị y tế năm 2024.

4. Thời hạn nhận báo giá: đến trước 17h ngày 06 tháng 6 năm 2024.

Các báo giá nhận sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: đến hết ngày 31/12/2024

6. Nơi nhận báo giá:

- Bản giấy: Phòng Vật Tư Trang Thiết Bị Y Tế - Bệnh Viện Đa Khoa Khu Vực Tỉnh An Giang – 917 Tôn Đức Thắng, phường Vĩnh Mỹ, tp. Châu Đốc, tỉnh An Giang (DS. Thuận 0975.500.019).

- File excel bảng báo giá qua địa chỉ email: phongvattuttyt@gmail.com và file scan bảng báo giá, các tài liệu đính kèm (nếu có).

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục vật tư, thiết bị y tế (phụ lục đính kèm)

2. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng.

3. Yêu cầu:

- Báo giá của nhà thầu: 03 bản (ký tên, đóng dấu, có giáp lai).
- 01 quyết định trúng thầu, 01 hợp đồng tương tự kèm danh mục còn hiệu lực trên 6 tháng theo hình thức **đấu thầu rộng rãi** (tất cả sao y 03 bộ).
- Cataloge/tờ hướng dẫn.

⚡ Hồ sơ báo giá hợp lệ: Báo giá phải có đầy đủ thông tin đơn vị báo giá (số điện thoại người liên hệ trực tiếp), ngày, tháng, năm ký phát hành báo giá và thời hạn hiệu lực của báo giá, đồng thời phải có xác nhận và đóng dấu theo quy định và các yêu cầu khác theo đúng nội dung yêu cầu mời chào giá.

⚡ Báo giá đã bao gồm thuế, phí giao hàng, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng, bảo hành, bảo trì, kiểm định (nếu có).

4. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện ĐKKV tỉnh An Giang – số 917, Tôn Đức Thắng, phường Vĩnh Mỹ, TP. Châu Đốc, tỉnh An Giang.

5. Báo giá theo mẫu (đính kèm).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VTTTBYT.



BS. CKII Nguyễn Văn Hưng

PHỤ LỤC
(KÈM THEO THƯ MỜI SỐ: 177/TM-BV NGÀY 24/5/2024)

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
1	Áo Kangaroo	Áo ủ ấm Kangaroo cho các bà mẹ chăm sóc con bằng cách ôm bé da tiếp da, - Áo có túi đựng con trước ngực kiểu Kangaroo - Đặt trẻ trong túi phía trước ngực mẹ - Dùng cho trẻ sinh non -Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc tương đương).	Cái	180	
2	Axit Etching Gel Prime-dent 37%	dạng tube 5ml xuất xứ: prime dental Mỹ	tube	10	
3	Bao giấy phòng sạch	-Bao giấy đa năng, vải không dệt PP -Tiêu chuẩn : ISO 13485 (hoặc tương đương).	Đôi	1.800	
4	Bao tóc	- Mũ phẫu thuật y tá M4 - Không vô trùng 100cái /gói -Tiêu chuẩn : ISO 13485 (hoặc tương đương).	Cái	6.000	
5	Bay trám Composite không dính	-Bay trám Composite không dính, các cỡ *Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	6	
6	Băng bột bó thủy tinh, cuộn 3 inch	Băng bó bột bằng sợi thủy tinh -Chịu lực được sau 20 phút bột khô -Kích thước: 7,5cm x 3,6m (3 inch). *Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cuộn	40	
7	Băng bột bó thủy tinh, cuộn 4 inch	-Băng bó bột bằng sợi thủy tinh -Chịu lực được sau 20 phút bột khô -Kích thước: 10cm x 3,6m (4 inch). *Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cuộn	40	
8	Băng bột bó thủy tinh, cuộn 5 inch	-Băng bó bột bằng sợi thủy tinh -Chịu lực được sau 20 phút bột khô -Kích thước: 12,5cm x 3,6m (5 inch). *Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cuộn	40	
9	Băng cá nhân	-Vải co giãn -Gạc mềm phủ lưới Polyethylene phủ keo -Keo: oxyt kẽm không dùng dung môi -Kích thước: 20 x 60mm -Quy cách: hộp 100miếng *Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Miếng	60.000	
10	Băng cuộn 9cm x 2,5m tiệt trùng	-Băng cuộn (Gạc cuộn):dệt từ sợi 100% cotton -Không xơ. Không chứa chất gây dị ứng -Kích thước: 0,9cm x 2,5m *Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cuộn	3.600	

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
11	Băng dính vô trùng vải không dệt, có gạc, cố định kim luồn, size 60x80 mm	-Băng dính vô trùng -Vải không dệt, có gạc, -Kích thước: 60 x 80mm. -Qui cách: 50 miếng/hộp. *Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Miếng	24.000	
12	Băng đạn nội soi nghiêng, dài 45mm, ghim 3.5	- Băng ghim nội soi công nghệ tristaple có 3 hàng ghim - Kích thước: chiều cao khác nhau mỗi bên, chiều cao ghim từ trong ra ngoài là: 3.0mm; 3.5mm; 4.0mm, chiều dài băng ghim 45mm. - Chất liệu:ghim titanium - Quy cách : Hộp / 6 cái -Tiêu chuẩn: FDA/CE/ISO/CFG (hoặc tương đương)	Cái	40	
13	Băng ghim mổ hở ba hàng ghim, dài 80mm ghim 3.5mm	- Băng ghim mổ hở ba hàng ghim, dài 80mm ghim 3.5mm - Băng ghim cắt khâu nối thẳng mổ mở, - Công nghệ ba hàng ghim chiều cao khác nhau, chiều cao ghim từ trong ra ngoài 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm , chiều dài thân dụng cụ 80mm. - Chất liệu:ghim titanium - Quy cách : Hộp/ 6 cái -Tiêu chuẩn : FDA/ CE/ISO/CFG (hoặc tương đương)	Cái	34	
14	Băng keo có gạc vô trùng 200 x 90mm	-Băng dính vô trùng -Có gạc thấm hút mạnh, -Kích thước: 200 x 90 mm. -Qui cách: Hộp 25 miếng. *Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Miếng	200	
15	Băng keo có gạc vô trùng	-Băng dính vô trùng -Có gạc thấm hút mạnh, -Kích thước: 90 x 250 mm. -Qui cách: Hộp 25 miếng. *Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485	Miếng	200	
16	Bình tia nhựa	Thiết kế miệng rộng, vai nghiêng, LDPE: 500ml. Chất liệu: nhựa LDPE. Hộp: 5 cái	Cái	10	
17	Bóng đèn halogen 150w-24v	Bóng đèn halogen 150w-24v [Bóng đèn halogen, 150W, 24v (Dùng với nguồn halogen 150twin)]	Cái	600	
18	Bóng gây mê các cỡ	- Bóng gây mê Làm bằng silicon - Size: các cỡ - Dùng 1 lần chỉ phòng khi có khí nén đi vào trong bóng. - Tiêu chuẩn kỹ thuật: CE, ISO	Cái	60	
19	Bộ dẫn lưu áp lực âm smart dạng lò xo	- Bình dẫn lưu vết thương, bình dẫn lưu áp lực âm, (bình hút áp lực âm) - Sản phẩm bao gồm bộ tản nhiệt 3 lò xo, ống PVC, cổng nối Y, ống thoát nước PVC, Trocar bằng thép không gỉ - Bộ tản nhiệt 3 lò xo làm giảm thiểu sự thiếu hụt của điện - Dung tích: 200ml, FR.14 và 400ml, FR.14 - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	760	

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
20	Bộ dây thở oxy chữ T	<ul style="list-style-type: none"> - Dây làm bằng vật liệu PE - Gồm 2 đoạn: 2 Ống trong suốt □22mm, □15mm. Làm bằng vật liệu PE - 1 Đầu nối xoay luer lock cong 90 độ (22M/15F- 15M) - 1 Co nối chữ Y (22F-22M) - 4 Co nối thẳng (22F-22M) - 2 ống co giãn dài 160cm -Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CFS 	Cái	70	
21	Bộ dây truyền thuốc Essy - Click Casette	<p>Dây truyền thuốc ở phía bệnh nhân gồm ống truyền thuốc với nắp bảo vệ và kết nối Luer Lock đực, một bộ lọc chặn bần với van một chiều và một bộ cảm biến áp suất. Áp suất chịu : tối đa 20 bar Vật liệu : PUR, PVC (không chứa DEHP và cao su) Mã sản phẩm : XD 10712</p>	Cái	14	
22	Bộ đặt stent mật tụy có lỗ bên Fusion OASIS hoặc tương đương	<p>cho phép đẩy và kéo lùi stent trước khi bung stent</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho phép đặt nhiều stent dễ dàng - Đường kính phần catheter đẩy: 8.5FR - Đường kính phần dẫn đường: 5FR - Chiều dài làm việc: 195cm - Cho phép dây dẫn 0.035 inch đi qua - Kênh phụ tối thiểu: 4.2mm 	Bộ	6	
23	Bộ đo huyết áp xâm lấn loại 1 đường	<p>Bộ đo huyết áp động mạch xâm lấn 1 đường:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ bao gồm: 1 cảm biến đo huyết áp xâm lấn dùng 1 lần, 1 dây truyền dịch, 1 dây nối với khóa 3 ngã (chiều dài L = 20cm), 1 dây đo huyết áp (chiều dài L=100cm), 2 khóa 3 ngã. 1 sticker dán phân biệt loại áp huyết được đo. - Chất liệu: Nhựa PC, Silicone, ABS, PVC, PU. - Trở kháng đầu vào của Transducer: 300Ω ~ 400Ω; - Trở kháng đầu ra của Transducer: 250Ω ~ 350Ω; - Ngưỡng áp lực quá tải có thể chịu được: - 400 mmHg ~ +6462,5 mmHg. - Áp suất đầu vào: -30mmHg ~ 300mmHg - Tiệt trùng. - Thời gian sử dụng: 72 giờ. - Phù hợp cho máy Drager 	Bộ	20	
24	Bộ hút đàm kín 14Fr có khóa	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước ống thông 14Fr, dài 540mm. Có khóa, Sử dụng được trong 72 giờ. - Đánh dấu độ sâu ống hút đến 40cm. Cổng dẫn 1 chiều, 2 cổng: cổng MDI, ống thông nội khí quản. Khóa đóng mở chức năng. - Có tem mã màu xác định thời gian thay ống hút. Vật liệu nhựa y tế an toàn, không chứa DEHP - Tiệt trùng *Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	Bộ	7.900	

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
25	Bộ khăn chụp mạch vành 2 lỗ	<p>Bộ khăn bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 x Khăn trải bàn dụng cụ L - 1 x Khăn chụp mạch vành - 1 x Bao chụp đầu đèn - 1 x Khăn phủ bàn dụng cụ vô trùng - 1 x Tấm phủ chắn chì - 1 x Bao kính chắn chì - 1 x Bao đựng remote <p>Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc tương đương).</p>	Bộ	600	
26	BỘ KHĂN NỘI SOI NIỆU QUẢN	<p>Sử dụng trong các ca phẫu thuật nội soi niệu Vải không dệt y tế 6 lớp SMMMMS 47 → 50 gsm không thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện, đạt tiêu chuẩn AAMI mức độ 3.</p> <p>Bộ khăn bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khăn gói kích thước: 95cm x 95cm x 01 cái: Vải không dệt 2. Khăn thấm kích thước: 35cm x 40cm x 02 cái: Vải Spunlace 3. Khăn nội soi niệu quản có túi chứa dịch, kích thước: 180cm x 180/240cm x 01 cái: Vải không dệt, vải siêu thấm, băng keo y tế <p>Được sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 13485 Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí EO đạt chuẩn ISO 11135</p>	Bộ	100	
27	Bộ khăn nội soi ổ bụng	<p>01 khăn dụng cụ (165 x 200 cm) được ép bằng vải SMMMMS và plastic</p> <ul style="list-style-type: none"> - 04 khăn thấm (40 x 47 cm), vải mềm mịn, thấm hút tốt. - 01 Màng phẫu thuật 3M (30 x 30 cm) - 01 Băng keo (10 x 50 cm), - 01 Khăn phủ chân (180 x 200 cm) 160 x 200 cm, vải SMMMMS 45gsm, - 01 Khăn phủ đầu (160 x 250 cm) , vải SMMMMS 45gsm, - 02 khăn phủ bên (80 x 90 cm), vải SMMMMS 45gsm, - 04 khăn đa dụng có keo (40 x 40 cm), vải SMMMMS 45gsm - 01 Màng phẫu thuật 3M, 30 x 30 cm, <p>- Yêu cầu: + làm từ vải SMMMMS 5 lớp trở lên, + tiệt trùng bằng khí EO, không chứa độc tố + không gây dị ứng hoặc kích ứng cho da + không chứa cao su tự nhiên, + có tính năng chống thấm nước, cồn, chống tĩnh điện</p>	Bộ	580	

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
28	Bộ khăn phẫu thuật tổng quát	01 Khăn phủ bàn dụng cụ 165x200cm, vải SMMMS 5 lớp, - Chống thấm nước, chống tĩnh điện và được ép bằng vải SMMMS và màng plastic màu, - Dùng công nghệ phun keo tự động - 01 Khăn can thiệp mạch 240x390 cm + 2 lỗ đùi và 1 lỗ tay, + có thanh định hình , vải SMMMS 5 lớp + màng phẫu thuật 3M, + màng plastic trong, - 01 Bao kính chắn chì 75x100 cm, màng plastic trong - 01 Tấm phủ chắn chì 100x140cm, màng plastic trong - 01 Bao chụp đầu đèn phi 125cm, màng plastic trong - 01 Bao đựng remoter, màng plastic trong - 01 Tấm phủ bàn dụng cụ ,màng plastic trong - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 (hoặc tương đương)	Bộ	1.010	
29	Bộ rửa dạ dày người lớn	- Làm bằng cao su thiên nhiên. sử dụng 1 lần - Dùng để thông rửa dạ dày - Size: Các size - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE,ISO 13485 (hoặc tương đương)	Bộ	120	
30	Bộ Săng vô trùng dùng trong phẫu thuật lấy thai	Bộ khăn bao gồm: - 1 x Khăn trải bàn dụng cụ L : 140cm x 200cm - 1 x Khăn phủ bàn mayo 2 lớp: 60cm x 100cm - 1 x Khăn sanh mổ F: 200cm x 340cm chất liệu vải không dệt SMMMS cao cấp 5 lớp màng phẫu thuật 30cm x 32 chất liệu Polyurethane . - 10 x Khăn thấm: 30cm x 40cm - 2 x Khăn em bé : 60cm x 90cm màu trắng, thấm tốt, mềm mại. - 1 x Khăn đa dụng : 90cm x 100cm chất liệu bằng vải bán thấm 62gsm. - 1 x Áo phẫu thuật Basic size M gia cố thân - 2 x Áo phẫu thuật Basic size L gia cố thân. - Tiêu chuẩn kháng nước AAMI mức độ 3 - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc tương đương).	Bộ	1.000	
31	Bộ thắt vòng Endoloop	- Bộ thắt vòng Endoloop (gồm cán Endoloop và vòng thắt Endoloop) để thắt cuốn polyp lớn	Bộ	7	
32	Bông gòn lót bó bột 0,1 x 2m	- Bông hặc sơ tơ tằm không thấm nước - Kích thước: 0,1 x 2m	Cuộn	2.000	
33	Bông gòn lót bó bột 0,15 x 2m	- Bông hặc sơ tơ tằm không thấm nước - Kích thước: 0,15 x 2m	Cuộn	2.400	

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
34	Bơm áp lực đẩy xi măng, kiểm tra áp suất tự động	- PicoMix™ V bao gồm 01 đầu nối chuyên dụng Luer dùng để chuyển xi măng sau khi trộn sang các xi lanh bơm, 01 bộ trộn MiniMix™, 01 phễu rót, 01 thìa khuấy và 04 xi lanh (với tay cầm cứng) có thể chứa tới 40g xi măng gốc Acrylic (PMMA). PicoMix™ V được chế tạo bằng vật liệu không có cao su Latex tương thích với súng bơm V- HP - Súng bơm áp lực cao V - HP có tay vận ren rộng giúp kiểm soát tốt quá trình bơm với áp suất cao. Xi-lanh bơm có tay cầm tách rời giúp dễ dàng hút xi măng. Thân bơm có chia vạch và công tắc ON/OFF để dừng bơm cũng như giảm áp lực bơm khi cần thiết. Đóng gói tiệt trùng.	Cái	20	
35	Bơm tiêm Insulin 100IU	- Bơm tiêm nhựa tiêm insulin - Dung tích 1ml - Kim 0,30 x 12mm. -Qui cách: Hộp/100 cái. *Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	15.000	
36	Bơm truyền dịch giảm đau PCA	- Bình chứa dịch dùng cho VAC tưới rửa: bình hút dịch áp lực âm - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc tương đương)	Cái	140	
37	Buồng đếm tế bào	Buồng đếm NEUBAUER, có tráng bạc. Kích thước đóng gói: 12x10x10cm. Tỉ trọng đóng gói: 100gram	Cái	6	
38	Cai máy thở chữ T	- Co cai máy thở chữ T. - Ống chữ T cai máy thở GaleMed, dùng tập cai máy thở cho người bệnh đang thở máy. - Tiệt trùng. *Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	60	
39	Cán dao mổ các số	Cán dao mổ các số	Cái	16	
40	Canxi hydroxide	Calcium hydroxide powder prevest Lọ 10g	Lọ	4	
41	Catheter 02 nòng TM đùi cho TNT HAMOCATE SIGNO 1215-1220	- Catheter 02 nòng TM đùi cho TNT HAMOCATE SIGNO 1215-1220 - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc tương đương)	Cái	200	
42	Catheter 02 nòng TM đùi 2 nòng Haemocat kích cỡ 12Fx 4''x20cm	- Cannula tĩnh mạch 1 tầng mũi cong đầu kim loại - Các cỡ 24 Fr- 28Fr, co nối 3/8 dài 35.6cm - Tiệt trùng. *Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	300	

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
43	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng 134 (G18/G20 LL)	Catheter tĩnh mạch trung tâm - Một nòng - Chất liệu polyurethane có chắn bức xạ - Sizec: G18/G20 LL - Tiết trùng. *Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	240	
44	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng, dài 720	- Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng, dài 720 - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	840	
45	Catheter TM rón	- Catheter TM rón - 2 nòng. Trong suốt - Đường kính 3F, 4F, 5F, 6F, 7F; - Dài 80cm; đường kính bóng 6mm, 10mm *Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	50	
46	Cavafix certo 257 (G16 7 CM, G18 45 CM)	- Cavafix certo 257 (G16 7 CM, G18 45 CM) - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc tương đương)	Cái	410	
47	Ceivitron	- Xi măng trám tạm theo dõi hoặc trám tạm trong quá trình chữa tủy - Thành phần: Bột oxyd kẽm 12% - Lọ : 30 g - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ	2	
48	Clip cầm máu, tay cầm lắp sẵn, xoay được, loại đóng mở nhiều lần	Loại sử dụng 1 lần. -Clip lắp sẵn với tay gắn. -Độ mở clip 12mm. Xoay được 360 độ -Clip có thể đóng mở nhiều lần. -Đường kính dụng cụ 2,6mm dài 195cm * Tiêu chuẩn: ISO13485/CE hoặc tương đương	Cái	500	
49	Cọ bôi keo trám đèn	- Cọ bôi keo trám đèn - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	480	
50	Cole gutta đủ số	- Cole gutta đủ số - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	hộp	10	
51	Cole giấy 20,25,30,35	- Cole giấy 20,25,30,35 - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	hộp	10	
52	Composit đặc	- Composite đặc Denfil đa năng, đa dạng màu sắc, phù hợp với trám răng trước và cả răng sau - Màu: A2; A3; A3,5;A4 - Lọ: 6g - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ	10	
53	Compsite lỏng	- Compsite lỏng quang trùng hợp, độ nhớt và cân quang cao giúp kết dính tốt với thành xoang trám - Màu A3, A3.5 - Tuyb 2g - Tiêu chuẩn ISO 4049:2019	tube	12	
54	cone gutta percha Protaper	cone gutta percha Protaper- Dentsply Sirona hãng Dentsply Mỹ	hộp	10	
55	Cone phụ	Cone phụ size B, C		20	

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
56	Công tiêm không kim có dây nối dài 10cm	<p>1. Công tiêm không kim, van tách (split septum), làm bằng chất liệu polypropylene (PP), van làm bằng chất liệu Isoprene rubber. Dòng chảy thẳng, không thể tích tồn lưu. Giảm nguy cơ nhiễm khuẩn từ bên trong. Bề mặt phẳng, sát khuẩn hiệu quả, giảm nguy cơ nhiễm khuẩn từ bên ngoài.</p> <p>2. Công kết nối bền, chịu lực cao, chịu được lực bơm lên đến 200 kPa (29.0075 PSI)</p> <p>3. Không rò rỉ khi truyền với nhũ dịch béo, thuốc chứa thành phần dầu, chất hoạt động bề mặt, chất hòa tan</p> <p>4. Dây nối dài 10cm, thể tích mỗi 0,45ml.</p> <p>5. Có khóa áp lực dương ngăn máu trào ngược vào đốc kim luồn và dây gây nghẹt kim.</p> <p>6. Có thể kết nối lên đến 200 lần, và dễ dàng kết nối với ống tiêm, dây nối, dây truyền dịch dầu xoắn hay dầu trơn.</p> <p>7. Đầu nối xoắn, xoay 360 độ</p> <p>8. Non DEHP, Non Pyrogenic</p> <p>9. Tệt trùng EO</p> <p>10. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.</p>	Cái	100	
57	Che tủy chiếu đèn	1 ống Ultra-blend màu ngà, 2 đầu black micro mã số 416-1	ống	2	
58	Chỉ khâu Chromic 2/0 + kim tròn	-Chỉ tiêu chậm, tự nhiên, Chromic Catgut -Cỡ chỉ: 2/0, dài 75cm (75- 85cm) -Kim tròn 1/2C, 26mm * Tiêu chuẩn: ISO13485/CE/FDA hoặc tương đương	Sợi	7.406	
59	Chỉ khâu gan Parenchyma dạng bản 3mm, dài 60cm kim tù	-Chỉ tiêu tổng hợp Polyglycolic acid -Cỡ chỉ: dạng bản 3mm, dài 60 cm -Kim tù * Tiêu chuẩn: ISO13485/CE/FDA hoặc tương đương	Sợi	140	
60	Chỉ khâu Nylon 2/0 + kim tam giác	-Chỉ tổng hợp đơn sợi, Polyamide, không tiêu -Cỡ chỉ: 2/0, dài 75cm -Kim tam giác 3/8C, đường kính 26 mm * Tiêu chuẩn: ISO13485/CE/FDA hoặc tương đương	Sợi	1.932	
61	Chỉ khâu Prolene 6/0 (60cm/2 kim 11mm, 3/8C RB)	-Chỉ tổng hợp polypropylen đơn sợi, không tiêu 6/0, dài 60cm (60- 70cm) -02 kim tròn 3/8C RB, đường kính 11mm * Tiêu chuẩn: ISO13485/CE/FDA hoặc tương đương	Sợi	120	
62	Chỉ khâu Prolene 7/0	-Chỉ tổng hợp polypropylen đơn sợi, không tiêu -Cỡ Chỉ: 7/0, dài 60cm (60- 70cm) -02 kim tròn 3/8C, đường kính 9,3mm * Tiêu chuẩn: ISO13485/CE/FDA hoặc tương đương	Sợi	60	
63	Chỉ khâu Silk 2/0	-Chỉ không tiêu, Silk -Cỡ 2/0, 12 sợi, dài 75cm (75- 85cm) -Không kim * Tiêu chuẩn: ISO13485/CE/FDA hoặc tương đương	Sợi	120	

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
64	Chỉ khâu Silk 2/O + kim tròn	-Chỉ không tiêu, Silk -Cỡ chỉ: 2/0 dài 75cm (75- 85cm) -Kim tròn 1/2 C, 26mm * Tiêu chuẩn: ISO13485/CE/FDA hoặc tương đương	Sợi	1.140	
65	Chỉ khâu Silk 3/O + kim tam giác	-Chỉ không tiêu, Silk -Cỡ chỉ: 3/0, dài 75cm (75- 85cm) -Kim tam giác 3/8 C, 26mm * Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA hoặc tương đương	Sợi	2.060	
66	Chỉ khâu Silk 3/O + kim tròn	-Chỉ không tiêu, Silk -Cỡ chỉ: 3/0 dài 75cm (75-85cm) -Kim tròn 1/2 C, 26mm * Tiêu chuẩn: ISO13485/CE/FDA hoặc tương đương	Sợi	2.880	
67	Chỉ khâu Silk 4/O + kim tam giác	-Chỉ không tiêu, Silk 4/0 dài 75cm (75- 90cm) -Kim tam giác 3/8 C, 26mm * Tiêu chuẩn: ISO13485/CE/FDA hoặc tương đương	Sợi	720	
68	Chỉ khâu Vicryl Rapide 2/0, dài 90cm, kim tròn đầu cắt V- 34, 36mm, 1/2C	-Chỉ tổng hợp Polylactic acid -Thời gian tự tiêu 60 ngày -Cỡ chỉ 2/0, dài 90cm (90- 110cm) -Kim tròn 1/2C, 34mm, 36mm * Tiêu chuẩn: ISO13485/CE/FDA hoặc tương đương	Sợi	1.440	
69	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin, có chất kháng khuẩn số 2/0, dài 75cm, kim tròn 26mm, 1/2C, kim Premium.	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin, có chất kháng khuẩn Triclosan số 2/0 dài 75cm, kim tròn 26mm, 1/2C, kim Premium, theo công nghệ U- filo, phủ silicon và thép không gỉ AISI 302. Thành phần Poly (Glycolide-co-l-lactide)90-10, được bao phủ Poly (Glycolide-co-l-lactide)30-70 và Calcium Stearate. Được khử trùng. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA, FSC, ISO.	Sợi	2.000	
70	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin, có chất kháng khuẩn số 3/0, dài 75cm, kim tròn 26mm, 1/2C	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin, có chất kháng khuẩn Triclosan số 3/0 dài 75cm, kim tròn 26mm, 1/2C, kim Premium, theo công nghệ U- filo, phủ silicon và thép không gỉ AISI 302. Thành phần Poly (Glycolide-co-l-lactide)90-10, được bao phủ Poly (Glycolide-co-l-lactide)30-70 và Calcium Stearate. Được khử trùng. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA, FSC, ISO.	Sợi	1.400	
71	Chỉ tan tổng hợp đa sợi, số 1	-Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglycolic acid, có chất kháng khuẩn triclosan -Cỡ chỉ: số 1, dài 90 cm -Kim tròn 1/2C, 40mm * Tiêu chuẩn: ISO13485/CE/FDA hoặc tương đương	Sợi	12.000	
72	Chỉ tiêu 7-0 kim dài 6.5mm (khâu cùng mạc và kết mạc)	Chỉ khâu tự tiêu Polyglycolic Acid 7-0, chiều dài chỉ 30cm. Hai kim cong 2 đầu, tiết diện hình thang, đường kính kim 0.20mm, chiều dài kim 6.5 mm, độ kim cong 3/8. Kim làm bằng thép cứng bó sợi, mũi kim mài theo công nghệ cạnh mài ngang Crosslapped Edge. Mã kim: ZE065-20 Tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA	sợi	120	

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
73	Chỉ tiêu 8-0	Chỉ khâu tự tiêu Polyglycolic Acid 8-0, chiều dài 30cm. Hai kim cong 2 đầu, tiết diện hình thang, đường kính kim 0.20mm, chiều dài kim 6.5 mm, độ kim cong 3/8. Kim làm bằng thép cứng bó sợi, mũi kim mài theo công nghệ cạnh mài ngang Crosslapped Edge. Mã kim: ZE065-20 Tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA	sợi	250	
74	Chỉ thị sinh học	- Chỉ thị sinh học EO (dùng cho tiệt trùng nhiệt khô). - Quy cách: 50 ống/ hộp, 4 hộp/ thùng. * Tiêu chuẩn: FDA/CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cuộn	8	
75	Chổi đánh bóng	- Chổi làm bằng sợi cước y tế dẻo và cứng cáp - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE/FDA hoặc tương đương	Cái	240	
76	Chốt sợi	3M Rely X Fiber Post vàng (số 1- Đường kính 1.3mm), đỏ (số 2- ĐK 1.6mm), xanh (số 3-ĐK 1.9mm) hãng 3M, Mỹ	vi	6	
77	Chốt sợi 3M	- Chất liệu: nhựa resin cùng với các sợi thủy tinh phân tán song song - Kích thước: 0(trắng – Ø 1.1mm)/ 1(vàng – Ø 1.3mm)/ 2(đỏ – Ø 1.6mm)/ 3(xanh – Ø 1.9mm) - Quy cách: Bộ 10 chốt sợi	Cái	8	
78	Dao cắt 3 kênh Tri-tome pc hoặc tương đương	' - Số kênh làm việc: 3 kênh - Đầu dao dạng tròn, không gây tổn thương - Được định hình 3D cho phép dễ tiếp cận vị trí như Vater - Chiều dài dây cắt cắt: 25mm - Đường kính thân dao: 7 FR - Có bọc lớp cách điện nửa gần ống soi tránh cháy đầu ống soi và an toàn cho bệnh nhân - Hệ thống đánh dấu (5, 10, 15 mm) cho phép dễ quan sát và nhận biết được chiều sâu của dao vào trong lòng nhú - Chiều dài dao: 200 cm - Dây dẫn lưỡi dao: loại sợi đơn, sợi bện - Cho phép dây dẫn 0.035 inch đi qua	Cái	6	
79	Dao cắt vi phẫu	- Làm bằng thép, với độ bền để cắt nhiều khối mà không làm mờ và sắc mẻ. - Bên ngoài phủ lớp PTFE giảm ma sát khi cắt - Kích thước: 0,254x8x80mm - Góc cắt: 34° -Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc tương đương).	cái	200	
80	Dầu vô tay khoan	- Dầu vô tay khoan - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Chai	2	

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
81	Bình thông phổi	-Bình nhựa hoặc thủy tinh, dung tích 1600ml -Có dây nối, có lưới lọc giữa dây nối với bình. -Qui cách: Túi/1 cái. *Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	600	
82	Dây cưa xương	Chất liệu: thép không gỉ, - Đường cắt có bề rộng 1,2mm - 1,4mm . - Chiều dài của dây 500 mm - Bộ dây cưa sọ não trọn bộ gồm 2 móc dây và 10 sợi dây. - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc tương đương)	Cái	24	
83	Dây dao Harmonic màu xám dùng cho dao mổ nội soi (HP 054 Ace)	Dây dao Harmonic màu xám dùng cho dao nội soi (HP 054)	Cái	2	
84	Dây dẫn dịch bù máy Dialog HDF Online	Phù hợp máy Dialog HDF online, một bộ gồm: - 1 đầu nối luer, - Van 1 chiều, - Tiết trùng *Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	600	
85	Dây hút đàm kín có Valve khóa 2 chiều	- Dây hút đàm kín có valve - Khóa 2 chiều, có màng lọc khuẩn 0.3 micron, co nối, dây chia vạch, - Thời gian sử dụng 72 giờ, - Một bộ kết nối xoay được có khả năng kết nối với các thiết bị khác. - Size 14, 16 - Tiết trùng. *Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Sợi	2.180	
86	Dây máu chạy thận	Bộ dây chạy thận bao gồm dây động mạch và dây tĩnh mạch, đường kính dây chính (4,5x6,8)mm. Bầu nhỏ giọt đường kính ngoài OD: 19-30 mm, chiều dài L: 130 mm; có 2 đầu transducer, đường kính dây bơm (8,0x12x400) mm không rò rỉ máu, thể tích làm đầy 163±10% mL. - Túi xả 2000ml - Dây truyền dịch 1500mm - Có các đường dây để lấy máu và xử lý thuốc. Dây tĩnh mạch có vị trí tiêm phía trước bầu nhỏ giọt tránh bọt khí đi vào mạch máu. Chất liệu nhựa y tế không chứa Latex, và DEHP. Bộ dây tương thích với nhiều loại máy chạy thận. -Tiêu chuẩn ISO, CE - Dây động mạch có túi báo thay đổi áp lực máu (Pillow) được cung cấp theo yêu cầu.	Sợi	31.440	
87	Dây thép cuộn hàm	- Dây thép cuộn hàm - Đường kính: 0,4 mm/16 - Tiêu chuẩn ISO 13485	Cuộn	10	

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
88	Dây thở dùng nhiều lần	- Dây thở 2 bể nước kèm ống nối rời - Chất liệu silicon, bền và chịu nhiệt tốt. - Dùng tương thích cho máy thở 840/980. *Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Sợi	12	
89	Dây treo tay các số	Chất liệu vải cotton, vải có lỗ thoáng khí, vải tricot.	Sợi	1.600	
90	Dây truyền dịch 20 giọt	-Dây truyền dịch 20 giọt -Cổ công tiêm chữ Y -Cổ Van điều chỉnh. -Dây dài: 160cm-180cm -Kích thước: 23Gx1"; 21Gx1 1/2", 22Gx1 1/4" -Quy cách: Thùng 250 cái. *Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Sợi	480.000	
91	Dây truyền phẩm	- Dây truyền phẩm - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc tương đương)	Bộ	240	
92	Dây truyền thuốc bệnh nhân Patient Tubing	Dây truyền bệnh nhân bao gồm ống với hai nắp bảo vệ và có một đầu kết nối Luer Lock được với van một chiều tích hợp ở phía đầu bệnh nhân. Áp suất chịu : tối đa 22 bar Vật liệu : PUR, PVC (không chứa DEHP và cao su) Mã sản phẩm : XD 10701 Thiết kế dây bệnh nhân : 2.50m	Cái	30	
93	Dịch nhầy phẫu thuật mắt	Dịch nhầy Hydroxypropylmethylceluloza 2ml -2.4%. Tiêu chuẩn châu Âu. Hydroxypropyl Methylcellulose: 24.000mg. Sodium Chloride: 6.40mg, Potassium Chloride: 0.75mg, Calcium Chloride 2H2O: 0.48mg, Magnesium Chloride 6H2O: 0.30mg, Sodium Acetate 3H2O: 3.9mg, Trisodium Citrate 2H2O: 1.7mg, Nước pha tiêm vừa đủ, Ống 2ml	Ống	300	
94	Dịch thay thế / thẩm tách 5 lít / túi dùng trong lọc máu Hemosol BO	Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Túi	30	
95	Dome đo huyết áp xâm lấn cho DSA	Dome đo huyết áp xâm lấn dùng cho máy DSA Dùng được trong IBP, niệu, lọc máu... Tương thích flush device 3ml/h Chất liệu không có latex, khớp nối không có chất lỏng giữa cảm biến và dome	Cái	20	
96	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng 3 hàng ghim, mổ hở, 80- 3.5mm	- Dụng cụ cắt khâu nối thẳng mổ hở - Công nghệ Tri-Staple - Kích thước: ba hàng ghim chiều cao khác nhau, chiều dài thân dụng cụ :80mm-3.5mm dùng cho mô mỏng và mô mạch máu/mô trung bình và mô dày/mô dày và rất dày. - Chất liệu:ghim titanium - Quy cách : hộp/ 3 cái - Tiêu chuẩn : FDA/CE/ISO/CFG (hoặc tương đương)	cái	10	

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
97	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô hở	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mô mở 75mm -Chiều cao ghim đóng điều chỉnh được 3 mức 1,5- 1,8- 2,0mm, dạng 3- D làm bằng hợp kim titan với 6 hàng ghim * Tiêu chuẩn: ISO13485/CE/FDA hoặc tương đương	Cái	10	
98	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi 60mm tự động (EC60A)	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi 60mm; -Dài: 34cm, -Gấp góc: 45 độ, -Dao hình chữ C làm bằng thép mác 400 không gỉ -Độ mở hàm 22mm -10 băng dạn * Tiêu chuẩn: ISO13485/CE/FDA hoặc tương đương	Cái	4	
99	Dụng cụ LAPCLIP LIGCLP - Single Clip Applier (METAL INSTR)	Cây kẹp Clip mô nội soi chất liệu Polymer tan polyglyconate & Polyglycolic Acid. Sử dụng với trocar 10mm, có thể quay 360 độ. Chiều dài thân cỡ tiêu chuẩn 26.5cm. Có thể tiệt khuẩn và sử dụng lại.	Cái	2	
100	Dung dịch đa enzyme, sát khuẩn, khử trùng dụng cụ can 5 lít	- Dung dịch làm sạch dụng cụ đa enzyme (hỗn hợp 5 Enzym) - Thành phần: + 3% protease, + Lipase, + amylase, +cellulase, + manalase +pH trung tính + Chất hoạt động bề mặt không ion - Can 5 lít - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc CE (hoặc tương đương)	Can	170	
101	Dung dịch H2O2 dùng cho máy hấp tiệt trùng nhiệt độ thấp công nghệ plasma Getinge Stericool	Bình hóa chất H2O2 dùng cho máy hấp tiệt trùng nhiệt độ thấp công nghệ plasma Getinge Stericool: - Nồng độ H2O2: 59±0.5% - Dung tích: 240ml/bình - Sử dụng được 24 chu trình cho máy Stericool A110 và 20 chu trình cho máy Stericool A160 - Hạn sử dụng 12 tháng kể từ ngày sản xuất ở điều kiện nhiệt độ phòng. - Trên mỗi bình có mã vạch và số serial để truy xuất nguồn gốc và theo dõi hạn sử dụng.	Can	12	
102	Dung dịch khử khuẩn môi trường Nocolyse	Dung dịch khử khuẩn môi trường: Phun khử khuẩn bề mặt - Thành phần: Dung dịch chứa Hydrogen Peroxide 6%, Silver 17ppm, không mùi. - Nồng độ phun 1ml/1m ³ . - Thời gian đợi sau phun: 30 phút. - Chai: 1 lít - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc CE (hoặc tương đương)	Chai	20	

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
103	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao dụng cụ	- Dung dịch khử khuẩn mức độ cao: Dung dịch ngâm rửa dụng cụ: 14 ngày (có kèm test thử để kiểm tra hiệu quả dung dịch) - Thành phần: Ortho- Phthalaldehyde 0,55%, - pH=7 - Can: 5 lít - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc CE (hoặc tương đương)	Can	42	
104	Dung dịch khử khuẩn và tẩy rửa đa enzyme dụng cụ nội khoa, ngoại khoa và dụng cụ nội soi can 5 lít	- Thành phần; + N,N-Diethyl-N-Methyl-poly(oxyethyl)ammoniumpropionate 14% + Chlorhexidine digluconate 0.3% + Hỗn hợp 3 enzyme: protease lipase và amylase - Can 5 lít - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc CE (hoặc tương đương)	Can	48	
105	Dung dịch làm sạch và khử khuẩn bề mặt	Thành phần: $\geq 2,5\%$ Didecyldimethylammonium chloride + $\geq 5,1\%$ N,N Bis (3Aminopropyl) dodecylamine Làm sạch khử khuẩn sàn nhà, bề mặt, tương thích tốt với các chất liệu bề mặt. Đạt tiêu chuẩn EN 16615 Diệt virus theo tiêu chuẩn EN 14476 Nồng độ pha: $\leq 0.25\%$ Thời gian tiếp xúc: từ 15 phút	Chai	20	
106	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ	- Thành phần: + Glutaraldehyde 2% + Có Test thử đi kèm - Thùng: 5 lít - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc CE (hoặc tương đương)	Can	8	
107	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ	- Làm sạch và khử nhiễm dụng cụ ngoại khoa, nội khoa, dụng cụ nội soi và dụng cụ không chịu nhiệt - Thành phần: + Didecyldimethyl ammonium chloride 6,5% + Chlorhexidine digluconate 0,074% + Chất hoạt động bề mặt - pH trung tính - Nồng độ dư dụng 0,5% - Thùng: 5 lít - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc CE (hoặc tương đương)	Lít	36	
108	Đai cao su	- Đai cao su - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	100	
109	Đai cellulose	- Đai cellulose - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Cái	96	
110	Đai Desault các số	-Đai Desault trái, phải (Trẻ em và người lớn) -Các cỡ * Tiêu chuẩn: ISO13485 hoặc tương đương	Cái	80	

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
111	Đai xương đòn các số	-Đai xương đòn trẻ em và người lớn -Các cỡ * Tiêu chuẩn: ISO13485 hoặc tương đương	Cái	720	
112	Đầu nối thẳng	Co thẳng dùng cho dây thớ sơ sinh dùng nhiều lần Vật liệu: PSF Đầu nối: 10M, 22M	Cái	40	
113	Đĩa nhám đánh bóng Composite	- Đĩa nhám đánh bóng Composite - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc tương đương)	Cái	100	
114	Đinh Stemain kéo tạ xương đùi đường kính 6mm, dài 25mm	Thép không gỉ	Cái	192	
115	Endomethason (Cortisomol)	-Thành phần: Hydrcostrison acetate và Paraformaldehyde. - Qui cách: Hộp 14g. *Tiêu chuẩn:CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Hộp	2	
116	Eugenol	Dung dịch Eugenol -Qui cách: Lọ 30ml. *Tiêu chuẩn:CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Lọ	4	
117	Fuji 9 các màu A3 + A3,5	- Fuji 9 các màu A3 + A3,5 - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Lọ	4	
118	Gạc miếng vô trùng 6 lớp (10cm x 10cm)	Gạc vô trùng, 6 lớp -Kích thước: 10cm x 10cm -Tiệt trùng -Qui cách: 10 miếng/gói. *Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	480.000	
119	Gạc phẫu thuật ổ bụng 8 lớp, tiệt trùng (30cm x 30cm)	Gạc phẫu thuật ổ bụng, 8 lớp, tiệt trùng. -Kích thước: 30cm x 30cm -Tiệt trùng -Qui cách: 5 miếng/gói. *Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Miếng	40.000	
120	gạc tròn che mắt	gạc tròn 100% cotton, an toàn, có khả năng tự hủy hạn chế ô nhiễm môi trường. Thẩm hút tối ưu, mịn màng, mềm mại không chứa thành phần hóa học gây kích ứng.	miếng	1.800	
121	Gạc y tế vô trùng, 8 lớp (5 x 6cm)	-Gạc vô trùng, 8 lớp -Kích thước: 5 x 6cm -Qui cách: Gói 10 miếng. *Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Miếng	48.000	
122	Găng y tế dùng trong sản khoa đã tiệt trùng	-Găng tay y tế tiệt trùng, cao su thiên nhiên -Dài: tối thiểu 450 mm -Kích thước: 6,5; 7; 7,5. -Qui cách: 50 Đôi/ hộp, 6 hộp/thùng carton (300 đôi). *Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	180.000	
123	Gọ mây người lớn	Chất liệu cây mây	Bộ	4	
124	Gọ mây trẻ em	Chất liệu cây mây	Bộ	2	

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
125	Gói gòn viên	Gòn viên: Trắng, mịn, không tạp cơ học -Kích thước viên: 2cm -Trọng lượng gói: 12 gram - Tiết trùng -Qui cách: Gói 7 viên/12g. *Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Gói	150	
126	Gói may tăng sinh môn VT, NK11	Gói có: -8-10 viên gòn nhỏ -2 Viên Gòn lớn có bao gạc kích thước: 8cm cỡ sợi chỉ dài cột, chỉ không tiêu -Chỉ tiêu. -Tiết trùng -Qui cách: Gói có 8-10 viên gòn nhỏ + 2 Viên Gòn lớn có bao gạc + có thêm sợi chỉ dài cột (hoặc tương đương). *Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Gói	4.800	
127	Gói thay băng không gòn, VT, NK012	Gói thay băng -Tiết trùng -Kích thước: 18cm x 8cm x 1 miếng -Trọng lượng gòn lót: 3,5gram/miếng -Qui cách: 1 gói. *Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Gói	10.000	
128	Gòn chèn sheath đặt stent động mạch vành	-Gòn hút nước, se chặt được bao bởi gạc, cuộn tròn (chèn lỗ rò động tĩnh mạch) -Tiết trùng. -Dài: 6cm; Đường kính: 3cm -Trọng lượng: 20gr/gói. -Qui cách: Gạc bao gòn se chặt ,cuộn tròn dài 6cm,đk 3cm,20gr/gói. *Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Gói	40	
129	Gòn lót gạc: 20 cmx10cmx2 miếng	Gạc lót gòn bên trong - Tiết trùng -Kích thước: 20cm x 10cm -Trọng lượng: (gòn-gạc)7,8gr+1,2gr -Qui cách: Gòn lót gạc 20x10cmx 2 miếng/gói *Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Gói	11.800	

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
130	Gòn miếng lớn: 8cm x 8cm x 30 miếng + Gạc lót gòn: 8cm x 9cm x 1miếng	-Gòn miếng lớn, kích thước: 8cm x 8cm x 30 miếng -Gạc lót gòn: 8cm x 9 cm x 1 miếng Trọng lượng gòn-gạc: 42gr + 0,6gr -Tiệt trùng. -Qui cách: Gòn miếng lớn : 8cmx 8cmx 30 miếng + Gạc lót gòn : 8cmx9cm x 1 miếng/gói. *Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Gói	100	
131	Giấy cắn nha khoa	Giấy cắn nha khoa - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Miếng	204	
132	Giấy cuộn Tyvek 75mm x 70m, có chỉ thị hóa học màu đỏ, dùng cho tiệt khuẩn plasma	-Túi hấp tiệt trùng -Phương pháp tiệt khuẩn: Plasma (có chỉ thị hoá học chuyên từ Đỏ qua Vàng) -Kích thước: 75mm x 70m -Qui cách: Cuộn. *Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cuộn	20	
133	Giấy đo khúc xạ	-Giấy in nhiệt -Kích thước: 5,7cm * Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Cuộn	36	
134	Giấy lau kính hiển vi 10 x 15cm	-Kích thước: 10 x 15cm. -Giấy mềm mại, mịn, hút nước tốt, dai, phù hợp cho kính hiển vi *Tiêu chuẩn:ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Miếng	2.080	
135	Giấy lau siêu âm 25 x 40cm	-Giấy mềm mại, hút nước tốt -Kích thước: 25 x 40cm. *Tiêu chuẩn:ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Kg	3.084	
136	Giấy lọc định tính	Kích thước lỗ lọc 15 - 20µm. Thời gian lọc 35-70s. Khối lượng: 80 ± 4 g/m ² . Hộp 100 tờ	Miếng	400	
137	Giấy nhám kê bằng inox	-Giấy nhám kê bằng inox -Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Miếng	60	
138	Hộp giấy màu vàng đựng vật sắc nhọn 5 lít	-Hộp giấy màu vàng đựng vật sắc nhọn - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1.022	
139	Kéo cắt lọc vết thương	- Kích thước 18cm - Chất liệu inox - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	16	
140	Keo trám răng trong nha khoa	Keo trám Single Bond Universal - Keo dán Single Bond - Lọ 5ml Tiêu chuẩn: ISO13485/CE/FDA	lọ	4	
141	Kim châm cứu	- Kim châm cứu các cỡ: 4, 5, 6, 7. - Kích thước: + 0,3mmx75mm. + 0,3mmx13mm + 0,3mmx25mm. + 0,3mmx45mm - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	45.000	

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
142	Kim chọc dò dùng trong bộ dụng cụ đồ xi măng tạo hình thân đốt sống SPINE FIX hoặc tương đương	Kim chọc dò đốt sống có nòng rỗng và có cây lõi bên trong, mũi vát, dùng để dùi chân cung và bơm xi măng, chiều dài 125mm, có 2 kích cỡ 11G và 13G. Sử dụng tương thích với xi măng Spine Fix và bơm xi măng Sản phẩm đóng gói tiệt trùng sẵn	Cái	40	
143	Kim luồn an toàn, có cánh không cửa, có đầu bảo vệ bằng kim loại, 20G, 22G	- Kim luồn tĩnh mạch - Có cánh, không cổng - Có đầu bảo vệ bằng kim loại, - Size: 20G, 22G - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	20.038	
144	Khăn trải mổ 2,9 x 3,0m	- Khăn trải mổ - Kích thước: 2,9 x 3,0m - Tiêu chuẩn : ISO 13485 (hoặc tương đương).	Cái	12.000	
145	Khung Braun kéo tạ xương đùi	Inox không gỉ	Cái	30	
146	Lame kính hiển vi	- Lame kính hiển vi được thiết kế hình chữ nhật, có cạnh mài mờ (7105) và không mài mờ (7102). Kích thước 25.4 x 76.2mm (1"x3"), độ dày thủy tinh 1mm - 3mm - Qui cách: hộp 72 miếng - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc tương đương)	Cái	1.000	
147	Lên ngang	Lên ngang Spreader Mani đủ số, dài 21mm Hãng sản xuất: Mani Nhật Bản	Vi	4	
148	Lentulo dài 21mm	- Kích thước dài 21mm - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	12	
149	Lentulo dài 25mm (Số 30)	- Dài 25mm (Số 30) - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	12	
150	Lọc khuẩn khí vào bệnh nhân	Lọc khí từ máy thở vào bệnh nhân. - Qui cách: cái/ túi. *Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	6.000	
151	Lọc khuẩn khí vào máy	- Lọc khí và vi khuẩn từ môi trường ngoài vào máy thở - Qui cách: 5 cái/ túi. *Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	240	
152	Lưới vá sọ Titan, kích thước 148x148mm	Large 148x148mm loại cứng 0.6mm phù hợp với vis 1.5mm/ 1.6mm, Rigid dùng vít Self - Drilling Screws.	Cái	20	
153	Lưới vá sọ Titan, kích thước 77x113mm	Medium 113 x 77mm loại cứng 0.6mm phù hợp với vis 1.5mm/ 1.6mm, Rigid, dùng vít Self - Drilling Screws.	Cái	12	
154	Ly uống nước sử dụng 1 lần	- Ly giấy - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	11.400	

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
155	Miếng áp (opside) dùng trong phẫu thuật, thủ thuật 28x45cm (vô trùng)	- Được làm hoàn toàn từ polyurethane hoặc polyethylene. - Trong suốt, siêu mỏng, độ đàn hồi cao. - Kết quả là, miếng dán sẽ giúp giảm nguy cơ bị nhiễm trùng. - Cung cấp môi trường thuận lợi bao quanh vết cắt.Không gây dị ứng. - Kích thước miếng lưới 28x45 cm. - Quy cách: 10 miếng/ hộp, 4 hộp/ thùng - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc tương đương)	Cái	224	
156	Miếng dán điện cực máy điện xung	- Điện cực xung dán có chuôi - Chất liệu: Silicone + Gel - Kích thước 5x5 cm - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Miếng	20	
157	Móng ngựa kéo tạ xương đùi	Inox không gỉ	Cái	30	
158	Mũi cắt cầu kim loại	-Mũi cắt cầu kim loại *Tiêu chuẩn: FDA/CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	Cái	6	
159	Mũi đánh bóng Composite	-Mũi đánh bóng Composite các cỡ *Tiêu chuẩn: FDA/CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	Cái	100	
160	Mũi Endoz	-Mũi Endoz -Quy cách: 1 mũi *Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	Cái	30	
161	Mũi high 557	-Mũi high 557. -Quy cách: 1 mũi *Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	Cái	50	
162	Mũi high tròn 1/2	-Mũi high tròn 1/2. -Quy cách: 1 mũi *Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	Cái	50	
163	Mũi khoan kim cương high tròn đủ cỡ, hình búp lửa	-Mũi khoan kim cương high tròn đủ cỡ, hình búp lửa *Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	Cái	60	
164	Nạo ổ răng cán nhỏ	-Nạo ổ răng cán nhỏ. *Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	Cây	10	
165	Nẹp cánh cẳng tay (phải, trái) các số	Chất liệu vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, vải cao lông. Băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm, dài 45-65cm.	Cái	100	

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
166	Nẹp căng bàn chân	Nẹp căng chân ngăn được thiết kế giúp cho chân người sử dụng luôn ở vị trí chức năng trong lúc nghỉ ngơi, dùng trong: - Chấn thương xương khớp vùng cổ chân, bàn chân. - Viêm khớp cổ chân. - Cỡ: Các size (số 1, 2,3,4.....) trái, phải - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc tương đương)	Cái	60	
167	Nẹp căng tay các số	Chất liệu vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, vải cao lông. Băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm, dài 18-25cm.	Cái	300	
168	Nẹp căng tay gân duỗi các cơ (trái, phải)	Vải dệt vải có lỗ thoáng khí, vải cao lông. Băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm.	Cái	40	
169	Nẹp căng tay gân gấp các cơ (trái, phải)	Vải dệt vải có lỗ thoáng khí, vải cao lông. Băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm.	Cái	40	
170	Nẹp đùi	Chất liệu vải mút dệt kim ngoại nhập, vải lưới thể thao cao cấp, thanh định vị bằng nhôm lớn, có thể uốn cong theo chiều cong sinh lý của cẳng chân, hệ thống dán xé.	Cái	140	
171	Nẹp đùi bàn chân chống xoay dài	Chất liệu vải cotton, vải có lỗ thoáng khí, vải tricot. Khóa velcro, nẹp hợp kim nhôm, hệ thống dán xé ngoại nhập, chiều cao của nẹp từ 65cm-75cm	Cái	80	
172	Nẹp hơi các loại (gãy mắt cá chân)	Chất liệu nhựa, hệ thống dán xé ngoại nhập.	Cái	40	
173	Nẹp Iselin	Nẹp Iselin (hoặc tương đương)	Cái	140	
174	Nẹp vải căng bàn chân chống xoay	Làm từ bản nẹp nhựa ép định hình uốn cong theo độ cong của bàn chân và cẳng chân, kết hợp với hai bản nẹp hợp kim nhôm đặc biệt chịu lực tốt, có tác dụng chống xoay và giữ thẳng đầu gối, hệ thống băng nhám dính giúp cố định chân với sản phẩm. - Cỡ: các cỡ, trái, phải - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc tương đương)	Cái	54	
175	Nội khí quản lò xo	-Làm từ nhựa PVC, lò xo bên trong mảnh, thân ống có chia vạch, có vạch định vị bóng, có bóng -Size: Các cỡ -Tiệt trùng -Qui cách: 100 cái/thùng. *Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	404	
176	Nhám kê Inox	-Nhám kê Inox *Tiêu chuẩn:CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	Miếng	60	
177	Nhộng đặc màu A2 (Composite)	- Nhộng đặc màu A2 (Composite) - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc tương đương)	Cái	20	

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
178	Nhộng đặc màu A3 (Composite)	- Nhộng đặc màu A3 (Composite) - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc tương đương)	Cái	20	
179	Nhộng đặc màu A4 (Composite)	- Nhộng đặc màu A4 (Composite) - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc tương đương)	Cái	20	
180	Ống dẫn lưu màng phổi các cỡ	-Ống dẫn lưu màng phổi -Cỡ: 12; 14; 16; 20; 24; 28; 32; 36Fr -Tuyệt trùng -Qui cách: Gói/25 cái. *Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	1.593	
181	Ống hút nước bọt	- Ống hút nước bọt sử dụng 1 lần. - Chất liệu: PVC, mềm mại dễ uốn dẻo - Trong suốt có một lõi kim loại nhỏ bên trong để cố định cho việc uốn và tạo hình - Hình dạng được giữ ổn định hình dạng. *Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	3.000	
182	Ống nội khí quản đặt đường miệng/đường mũi các số	- Ống có vạch cân quang ngầm cuối ống xác định đúng vị trí đặt và 01 vạch chạy dọc ống, bóng thể tích lớn - Áp lực nhỏ *Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	4.020	
183	Ống thông JJ đặt nong niệu quản, đầu mở	- Ống thông JJ đặt nong niệu quản - Size 7 Fr, dài 26cm, đầu mở *Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	120	
184	Ống thông trong lọc máu cỡ 11F	Catheter 2 nòng dùng trong lọc máu Chất liệu: thermosensitive PUR Kích thước: (OD): 11F Chiều dài: 200 mm Đóng gói: (1) catheter, (1) Kim luồn, (1) dây luồn J-tip 0.038 x 700 mm, (2) nắp đậy tiêm truyền, (1) nong mạch 11F x 150 mm, (1) gạc	Bộ	4	
185	Pipet pha loãng hồng cầu	Sản phẩm tuân theo DIN EN ISO 120750 Thân pipet chia vạch 0.5 - 1 và 101 Hộp 10 cái	Cái	10	
186	Prong Mini Plate Bender	Dùng để uốn nẹp Mini có độ dày 1mm, 3 cạnh 111-023. Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO 13485:2016.		4	
187	Phim rửa liền + nước rửa phim	- Phim rửa liền sử dụng trong nha khoa - Phim rửa liền ngoài sáng (không cần buồng tối) - Chất lượng tốt, độ sắc nét cao - Kích thước film: 3 x 4 cm - Quy cách: Combo 100 phim và nước rửa	cặp	4	
188	Quả lọc thận nhân tạo middleflux 19	-Chất liệu màng: Polyethersulfone -Diện tích màng: 1,9m ² -Hệ số siêu lọc: KUF 25 (mL/giờ/mmHg) -Tuyệt trùng * Tiêu chuẩn: ISO13485/CE hoặc tương đương	Cái	616	

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
189	Rọ lấy sỏi niệu quản	-Rọ lấy sỏi, 4 dây -Cờ 3,0 Fr -Dài: 85 cm -Độ mở dài của rọ chứa: 30mm (đk 15mm). * Tiêu chuẩn: ISO13485/CE hoặc tương đương	Cái	150	
190	scope tán sỏi niệu quản 9.5	Ống nội soi niệu quản 27002L, Karl Storz Đức	Cái	2	
191	Secalon Seldy	Kim dẫn đường sắc bén số 16 Dây kim loại dẫn đường mềm dẻo, tránh vận xoắn, đầu chữ J giảm tổn thương khi luân Có dao mổ Catheter tinh mạch ngoại biên dài 420mm	Bộ	12	
192	Sò đánh bóng	- Sò đánh bóng - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	120	
193	Sonde chữ T các số	Ống thông chữ T -Các cỡ: 14; 16; 18; 20; 22 Fr. -Tuyệt trùng -Qui cách: Hộp/10 cái. *Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	30	
194	Sonde Pezzer các số	Ống thông túi mật -Các cỡ: 14; 16; 18; 20; 22; 24; 26; 28Fr -Tuyệt trùng -Qui cách: 1cái/gói vô trùng. *Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	Cái	30	
195	TaperFit Driver Shaft maxi	Cán tuốc nơ vít Maxi 113-MX-101. Cán tuốc nơ vít dùng bắt vít Maxi đường kính 2,4mm.Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO 13485:2016.		4	
196	Tăm bông thường	Tăm bông, dài 7,5cm. -Qui cách: 40 que/bịch. *Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). *Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cây	600	
197	Tegaderm 1624W (Dán mi)	băng không thấm nước, vô khuẩn, có phủ keo độ kích ứng thấp, nhẹ nhàng thoải mái khi dán trên da, băng film thông thoáng cho phép trao đổi oxy thoát hơi ẩm.	miếng	750	
198	Túi cuộn tiệt trùng loại đẹp 150mm x 200m	- Túi hấp tiệt trùng loại đẹp dùng để đóng gói hấp tiệt trùng các dụng cụ phẫu thuật và trang thiết bị y tế.Có chỉ thị tiếp xúc EO/Steam ở rìa túi ép. - Túi hấp tiệt trùng được làm từ giấy cấp y tế, màng trong suốt nhiều lớp PET/PP phù hợp với phương pháp tiệt trùng bằng hơi nước và khí EO. - Định lượng của giấy cấp y tế: 60gsm hoặc 70gsm có khả năng chống lại vi khuẩn và vi sinh vật. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE Marking - EN ISO 13485:2016	vi	40	

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
199	Túi cuộn tiệt trùng loại phòng	<ul style="list-style-type: none"> - Túi cuộn tiệt trùng loại phòng - Kích thước: 200mmx 100m. - Trọng lượng giấy : 70g / m² - Độ dày màng mịn: 52µm - Có chất chỉ thị: chuyển màu khi tiệt trùng bằng khí EO, kí Formaldehyd, và tiệt trùng bằng hơi nước - Có thể Tiệt trùng: 1. Hơi nước (Steam) 2. Khí Gas EO 3. Khí Formaldehyd - Đạt tiêu chuẩn: FDA, FSC,CE,ISO 13485 (hoặc tương đương) 	Cuộn	300	
200	Túi chứa dịch dẫn lưu	<ul style="list-style-type: none"> Mô tả: gồm 01 túi dùng chứa dịch Kích cỡ: 800ml Chất liệu: medical PVC TCKT: Dùng chứa dịch dẫn lưu An toàn, đóng gói tiệt trùng riêng biệt tránh tình trạng nhiễm trùng 	Cái	40	
201	Túi chứa dịch thải	<ul style="list-style-type: none"> Được dùng để thu thập dịch thải trong khi thực hiện CRRT Được trang bị đầu nối female Fluor ở trong túi và ống lớn (8mm) để làm nơi dẫn lưu chất liệu: PVC, không có DEHP, không có Latex Thể tích 5 lít 	Túi	6	
202	Túi đựng bệnh phẩm các cỡ (size S,M,L) đã tiệt trùng	<ul style="list-style-type: none"> Túi đựng bệnh phẩm các size S,M,L (hoặc tương đương) đã tiệt trùng. -Qui cách: 100 cái/gói. *Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	Cái	600	
203	Túi hấp tiệt trùng loại đẹp kích thước 400mmx200m	<ul style="list-style-type: none"> - Túi hấp tiệt trùng loại đẹp - Kích thước: 350mm x 100m - Đặc tính kỹ thuật: Có ≥ 3 đường hàn nhiệt. Gồm 2 lớp: + 1 lớp giấy y tế có định lượng ≥ 60gsm + 1 lớp film gồm 2 lớp: PET dày ≥12 µm và CPP dày ≥40 µm. - Đạt tiêu chuẩn: FDA, FSC,CE,ISO 13485 (hoặc tương đương) 	Cuộn	40	
204	Túi hậu môn nhân tạo rời xả được, có khử mùi	<ul style="list-style-type: none"> Túi hậu môn nhân tạo loại xả, miệng xả rộng 70mm, mỗi túi đi kèm thanh kẹp mềm. -Qui cách: Hộp/30 cái. *Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	Cái	1.160	
205	Thăm trâm	<ul style="list-style-type: none"> -Thăm trâm *Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương) 	Cái	20	
206	Thuốc tê bôi	<ul style="list-style-type: none"> -Thành phần: Benzocaine 20%. -Qui cách: Chai 30g. *Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	Chai	144	

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
207	Trâm dừa ống tủy Reamer (đủ số)	- Trâm dừa ống tủy Reamer (đủ số) - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Vi	30	
208	Urgosterile 53mm x 70mm	- Băng dán có gạc vô trùng. - Kích thước miếng băng: 53mm x 70mm - Kích thước miếng gạc: 29 mm x 35mm - Thành phần: +Băng: màng polyurethane trong suốt không thấm nước ngăn vi khuẩn xâm nhập + Keo: acrylic - Hộp 50 miếng - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	Miếng	10.900	
209	Val sinh thiết (có ngà)	Val sinh thiết (có ngà)	Cái	40	
210	Vật liệu cầm máu sợi collagen (Spongel) 5x8cm	- Vật liệu cầm máu sợi collagen (Spongel) - Tiệt trùng - Kích thước: 5cm x 8cm. - Gói 1 miếng - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	Cái	1.166	
211	Banh 2 đầu Army	Kích thước 45mmx20cm, thép không gỉ, dùng banh mô mềm trong phẫu thuật hàm mặt		4	
212	Banh bờ cào	Dài 21cm, vật liệu thép không gỉ, 4 răng dùng banh mô mềm trong phẫu thuật hàm mặt		4	
213	Bộ đinh chốt xương đùi đa năng trái/ phải, các cỡ	-Chất liệu thép không gỉ. Gồm: + 1 Đinh chốt trái/ phải, Ø: 9/ 10/ 11/ 12mm, dài 280-360mm + 2 Vít chốt cổ xương đùi Ø: 6.5mm, dài 40-140mm + 2 Vít chốt ngang đinh chốt Ø: 4.5mm, dài 16-100mm + 1 Vít nắp đinh chốt xương đùi + 1 Vít nén đinh chốt xương đùi -Tiệt trùng * Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Bộ	48	
214	Bộ đinh nội tủy có chốt	Đinh nội tủy có chốt -Đinh nội tủy dk 8,9,10mm + Thép y tế. -4 vít chống xoay + Thép y tế. + chốt cố định giữ chống xoay đinh -Tiệt trùng + Đạt tiêu chuẩn FDA (hoặc tương đương).	Bộ	30	

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
215	Bộ khớp háng bán phần không xi măng	<p>1. Cuống xương đùi: có nhiều kích cỡ, dài từ 111mm đến 144mm. - Vật liệu: hợp kim anodized TA6. - Phủ Hydroxyapatite toàn thân (hoặc tương đương). - Góc cổ chuỗi: trong khoảng 137 độ, taper 10/12.</p> <p>2. Đầu xương đùi: - Chất liệu: hợp kim M30NW (hoặc tương đương), kích cỡ 22.2mm, 28mm</p> <p>3. Chòm xương đùi + lớp đệm polyethylene UHMWPE (hoặc tương đương) - Kèm khóa chống trật đầu xương đùi - Kích cỡ: 40mm - 58mm. - Tiệt trùng * Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương</p>	Bộ	31	
216	Bộ Khớp háng bán phần không xi măng chuỗi dài	<p>1. Cuống xương đùi (stem): có 7 kích cỡ, chiều dài từ 182mm đến 212mm, bước tăng 5mm, đường kính đầu xa từ 8mm đến 11mm. -Vật liệu: bên ngoài phủ bởi Hydroxyapatite, bên trong là hợp kim anodized TA6. -Góc cổ chuỗi (Neck Angle): 135 độ -Thân chuỗi thon hình trụ elip, cổ chuỗi taper 10/12.</p> <p>2. Đầu xương đùi (femoral head): -Chất liệu: Thép không gỉ M30NW, kích cỡ 22,2mm, 28mm.</p> <p>3. Đầu lưỡng cực (Chòm) : -Chất liệu: Vỏ Titanium TA6V + lớp đệm polyethylene - UHMWPE nằm cố định với khóa chống trật đầu xương đùi. -Tiệt trùng * Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương</p>	Bộ	33	
217	Bộ nẹp bán nhỏ 6 lỗ	<p>-Chất liệu thép không gỉ -Nẹp nén ép bán nhỏ: Dày 3,0mm, Rộng 10mm -Có từ 2-15 lỗ, dùng vít vỏ 3.5mm. -Tiệt trùng * Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương</p>	Bộ	40	
218	Bộ nẹp bán rộng 8 lỗ	<p>Chất liệu thép không gỉ, -Bề dày nẹp 3,5mm, nẹp rộng 16mm, -Khoảng cách giữa các lỗ là 16mm -Khoảng cách giữa hai lỗ bắt vít giữa nẹp là 25mm (duy nhất), -Nẹp có từ 5 đến 18 lỗ, chiều dài nẹp từ 87 đến 295 mm -Sử dụng vít vỏ 4.5mm. -Tiệt trùng * Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương</p>	Bộ	30	

SIT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
219	Bộ nẹp cẳng tay 6 lỗ	-Chất liệu thép không gỉ -Bè dày nẹp 3mm, rộng nẹp 10mm, -Khoảng cách giữa các lỗ bắt vít là 12mm -Khoảng cách giữa hai lỗ bắt vít nằm giữa nẹp là 14mm (duy nhất), có từ 3 đến 8 lỗ -Chiều dài nẹp từ 38 đến 98 mm. -Sử dụng vít vò 3,5mm. -Tiệt trùng * Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Bộ	30	
220	Bộ nẹp cẳng tay 7 lỗ	-Bộ nẹp cẳng tay 7 lỗ, 7 vít xương cứng 3,5mm. -Bộ gồm 1 nẹp + 7 vít vò 3.5mm. -Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, CE (hoặc tương đương).	Bộ	30	
221	Bộ nẹp khóa bản hẹp - 4.5mm	-Nẹp khóa bản hẹp dùng cho cánh tay, -Dày 4.6mm, Rộng 13.5mm từ 6-8 lỗ, lỗ hình số tám tích hợp chung lỗ vít khóa có ren và vít thường, -Chất liệu thép không gỉ, -Dùng vít khoá đường kính 5.0 và vít vò đường kính 4.5mm -Tiệt trùng * Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Bộ	30	
222	Bộ nẹp khóa bản hẹp 12 lỗ vít Ø 5.0mm	-01 nẹp khóa cánh tay, cẳng chân 12 lỗ vít 4.5/5.0 + 12 vít khóa Ø 5.0mm -Tiệt trùng * Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Bộ	14	
223	Bộ nẹp khóa bản rộng	-Nẹp khóa bản rộng 8, 9, 10, 12, 14 lỗ dùng hệ thống nẹp vít khóa 5.0mm -Bản rộng 16 mm, dày 5 mm, 8/9 lỗ ứng với chiều dài 155/ 173 mm, 10/12/14 lỗ ứng với chiều dài 191/227/263 mm, 10/12/14 lỗ ứng với chiều dài 191/227/263 mm, -Dùng hệ thống vít khóa 5.0 mm. Vít khóa đk 5.0mm dài 28-60mm, hệ thống 5.0mm -Tương thích với nẹp khóa: bản hẹp MIK, chữ T MIK, chữ L MIK, bản rộng MIK, đầu dưới xương đùi MIK, đầu trên xương đùi MIK, đầu trên xương chày MIK, -Chiều dài: 28-60 mm với bước tăng 2 mm, -Đường kính ren 5.0 mm, đầu đường kính 8.0 mm -Tiệt trùng * Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Bộ	48	

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
224	Bộ nẹp khóa cánh tay 8 lỗ	<p>Chất liệu thép không gỉ</p> <p>-Nẹp sử dụng vít khóa đường kính 4.5mm và 5.0mm.</p> <p>-Nẹp dày 4.5mm, rộng 14.5mm, có từ 4 đến 24 lỗ,</p> <p>+ Dài từ 83mm đến 443mm.</p> <p>-Nẹp sử dụng vít khóa đường kính 3.5mm.</p> <p>-Nẹp dày 4mm, rộng 12mm, có từ 4 đến 16 lỗ, + Dài từ 63mm đến 219mm.</p> <p>-Lỗ bắt vít hình oval đối xứng nhau qua điểm giữa thân nẹp. Mặt dưới thân nẹp được tạo hình những khoảng lõm đối xứng nhau.</p> <p>-Tiệt trùng</p> <p>* Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương</p>	Bộ	30	
225	Bộ nẹp khóa cẳng tay 4-12 lỗ	<p>-Nẹp khóa cẳng tay lỗ hình số tám, 4-12 lỗ</p> <p>-Chiều dài 59-215mm tích hợp chung lỗ vít khóa có ren và vít thường,</p> <p>-Chất liệu titanium,</p> <p>-Dùng vít khóa đường kính 3.5mm và vít xương cứng đường kính 3.5mm.</p> <p>-Tiệt trùng</p> <p>* Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương</p>	Bộ	30	
226	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương chày	<p>-Chất liệu thép không gỉ.</p> <p>-Nẹp khóa đầu dưới xương chày có từ 4-14 lỗ, + phần đầu dưới có 6 lỗ,</p> <p>+ cổ nẹp có 01 lỗ bắt vít động,</p> <p>+ nẹp dùng vít khóa đường kính 3.5mm.</p> <p>-Bộ gồm 1 nẹp + 8 vít khóa 3.5mm +2 vít vò 3.5mm</p> <p>-Tiêu chuẩn ISO, CE (hoặc tương đương).</p>	Bộ	30	
227	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương chày trái phải các cỡ	<p>-Chất liệu thép không gỉ</p> <p>-Nẹp khóa đầu dưới xương chày, trái/phải, i, 4-14 lỗ,</p> <p>-Đầu nẹp có 6 lỗ vít khóa tròn và 2 lỗ vít khóa hình số 8,</p> <p>-Thân nẹp lỗ hình số tám, tích hợp chung lỗ vít khóa có ren và vít thường,</p> <p>-Dùng vít khóa đường kính 3.5 mm và vít xương cứng 3.5mm.</p> <p>-Tiệt trùng</p> <p>* Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương</p>	Bộ	14	
228	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương đùi nén ép, trái/ phải, 6-14 lỗ, chất liệu titanium	<p>-Chất liệu titanium</p> <p>-Nẹp có 6/8/10/12/14 lỗ,</p> <p>-Dài 167/207/247/287/327mm</p> <p>-Dùng vít khóa 5.0mm tự taro.</p> <p>-Tiệt trùng</p> <p>* Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương</p>	Bộ	30	

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
229	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương đùi trái, phải các cỡ	<p>Chất liệu thép không gỉ.</p> <p>-Nẹp khóa đầu dưới xương đùi,</p> <p>-Dài từ 5-15 lỗ, đầu nẹp có 7 lỗ vít tròn,</p> <p>-Thân nẹp lỗ hình số tám, tích hợp chung lỗ vít khóa</p> <p>có ren và vít thường, có lỗ xuyên kim Kirschner,</p> <p>-Đùng vít khóa đường kính 5.0 và vít vò 4.5mm.</p> <p>-Tiệt trùng</p> <p>* Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương</p>	Bộ	30	
230	Bộ nẹp khóa đầu trên xương đùi trái, phải các cỡ	<p>Chất liệu thép không gỉ.</p> <p>-Nẹp khóa đầu trên xương đùi,</p> <p>-Đầu nẹp có 2 lỗ vít tròn, dùng vít xoắn khóa 6.5mm,</p> <p>-Thân nẹp lỗ hình số tám, tích hợp chung lỗ vít khóa</p> <p>có ren và vít thường, có lỗ xuyên kim Kirschner,</p> <p>-Đùng vít khóa đường kính 5.0 và vít vò 4.5mm.</p> <p>-Tiệt trùng</p> <p>* Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương</p>	Bộ	30	
231	Bộ nẹp khóa lồi cầu đùi	<p>Chất liệu thép không gỉ</p> <p>-Nẹp khóa đầu dưới xương đùi, dài từ 5-15 lỗ, đầu nẹp có 7 lỗ (hoặc tương đương)</p> <p>-Đùng vít khóa đường kính 5.0 và vít vò 4.5mm.</p> <p>-Tiệt trùng</p> <p>* Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương</p>	Bộ	30	
232	Bộ nẹp khóa mắt xích	<p>Chất liệu thép không gỉ</p> <p>-Nẹp có 10, 12 hoặc 14 lỗ.</p> <p>-Sử dụng vít khóa 3.5mm.</p> <p>-Tiệt trùng</p> <p>* Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương</p>	Bộ	40	
233	Bộ nẹp khóa mắt xích 5,6,7,8	<p>Chất liệu thép không gỉ.</p> <p>-Nẹp sử dụng vít khóa đường kính 3.5mm.</p> <p>-Nẹp dày 3,2mm, rộng 10,2mm, có từ 2 đến 22 lỗ,</p> <p>-Dài từ 32 đến 312mm.</p> <p>-Lỗ bắt vít hình oval đối.</p> <p>-Tiệt trùng</p> <p>* Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương Tiêu chuẩn ISO, CE,</p>	Bộ	30	
234	Bộ nẹp khóa tạo hình mắt xích	<p>-01 nẹp khóa tạo hình mắt xích 8 lỗ + 8 vít khóa 3.5mm</p> <p>-Tiệt trùng</p> <p>* Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương</p>	Bộ	30	
235	Cố định ngoài Ba thanh	<p>-Bộ gồm : khung + 6 đinh Schanz (hoặc tương đương) 5.0 x 200mm</p> <p>-Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương</p>	Cái	14	

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
236	Cố định ngoài Chữ T	-Bộ gồm khung + 5 đinh Schanz -Kích thước đinh 5.0mm x160mm -Tiệt trùng * Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Bộ	30	
237	Cố định ngoài gần khớp	-Bộ gồm khung + 6 đinh Schanz -Kích thước đinh 5.0mm x160mm -Tiệt trùng * Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Bộ	30	
238	Cố định ngoài Khung chậu	-Bộ gồm khung + 4 đinh Schanz -Kích thước: 5.0 x 200mm -Tiệt trùng * Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Bộ	14	
239	Cố định ngoài Liên mấu chuyển	-Bộ gồm khung + 5 đinh Schanz -Kích thước: 5,0 x 200mm -Tiệt trùng * Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Bộ	9	
240	Cố định ngoài Qua gối	-Bộ gồm khung + 6 đinh Schanz -Kích thước: 5.0 x 200mm -Tiệt trùng * Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Bộ	12	
241	Cố định ngoài tay (đầu dưới xương quay)	-Bộ gồm khung + 4 đinh Schanz -Kích thước: 3.5 x 160mm -Tiệt trùng * Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Bộ	14	
242	Cung Arch Bars	Cung thép dùng cố định xương hàm mặt		100	
243	Chi khâu chỉnh hình siêu bền	-Chỉ không tiêu số 2 kèm kim. Chất liệu: Polyethylene khối lượng phân tử siêu cao - (UHMW) polyethylene siêu bền. - Kích thước: Dài \geq 38 Inch. - Màu sắc: trắng và co-braid. *Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc tương đương)	Cái	50	
244	Dây bơm nước dùng trong nội soi chạy bằng máy	- Dây sử dụng cho máy bơm nước DYONICS 25. - Lưu lượng nước \geq 2.5l/phút, có hộp điều khiển.	Sợi	50	
245	Dây dẫn nước trong nội soi loại thường	Dây dẫn bằng PVC -Đường kính ống 3.4 mm, dài 11 ft. -Điều khiển được tốc độ dòng chảy trong môi trường * Tiêu chuẩn: ISO13485/CE hoặc tương đương	Sợi	50	
246	Đai trám kim loại	Đai matrix band Xuất xứ: Mỹ	Gối	10	
247	Đĩa đệm lưng cong TLIF	-Chất liệu PEEK (hoặc tương đương) -Thiết kế đầu nhỏ & thuôn nhọn độ uốn lordosis 0°-8° -Khoang ghép xương rộng -Kích thước : Loại TLIF: dài 26mm-32mm, rộng 11-13mm, cao 7-16mm -Tương thích trợ cụ. -Tiệt trùng * Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Cái	20	
248	Kẹp kẹp mạch máu Mosquitoes cong	Dài 12cm, vật liệu thép không gỉ, dùng để kẹp cầm máu, bóc tách		6	

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
249	Kèm kẹp mạch máu Mosquitoes thẳng	Dài 12cm, vật liệu thép không gỉ, dùng để kẹp cầm máu, bóc tách		6	
250	Kim kischner một đầu có ren	Chất liệu thép không gỉ Kích cỡ từ 3.0 mm trở lên	cái	700	
251	Lưới bảo khớp dùng trong nội soi khớp, các cỡ	Lưới bảo cốt lọc mô dùng trong nội soi khớp. Thẳng, dùng một lần, mã màu theo cỡ để nhận diện. Thiết kế có răng hoặc không răng, đường kính 3.5mm, 4.5mm, 5.5mm. Chiều dài làm việc: 13.3 cm. Có tính năng khoá cửa số hút. Có hai chế độ cắt dao động. Tương thích với tay bảo DYONICS POWERMAX ELITE	cái	50	
252	Lưới bảo xương ngược chiều rộng nông	Mũi khoan ngược sử dụng trong kỹ thuật tái tạo dây chằng chéo All-inside. Một hộp bao gồm mũi khoan ngược, mũi khoan dẫn đường 2.4mm và cây rút chỉ. Khoan tiến tạo đường hầm đường kính 4.9mm. Lưới cắt có thể thu vào, bảo ngược tạo đường hầm đường kính 5.5mm - 12mm, bước tăng 0.5mm. Có ống đo chiều dài cầu xương.	cái	30	
253	Lưới cắt đốt bằng sóng radio dùng trong nội soi khớp	<ul style="list-style-type: none"> • Đầu đốt dùng công nghệ Coblation, cắt ở nhiệt độ thấp hơn so với đầu đốt RF thông thường. Phân cách nhiệt được phủ vật liệu PET (polyethylene terephthalate). • Tạo plasma dày 100-200µm giúp cắt đốt chính xác, tối thiểu tổn thương tới mô xung quanh • Có mạch bảo vệ ống kính, ngắt đầu đốt khi lại gần hoặc tiếp xúc với kim loại • Có đường hút nước • Đường kính mũi 5.25mm • Đường kính phần thân 3.75mm • Chiều dài làm việc: 5.4 inch (tương đương với 13.7cm) • Đầu mũi nghiêng 90° • Có chế độ tự ngắt • Có nhiều cổng 	cái	50	
254	Mở miệng mouth gag	Kích thước 14cmx6cm, dùng banh miệng một bên hàm trong phẫu thuật miệng		4	
255	Mũi cạo vôi răng P5	Mũi cạo vôi lúa máy P5	Cái	10	
256	Mũi khoan cắt xương/răng khôn 28mm	Mũi khoan cắt xương/răng khôn dài 28mm Hãng: mani, xuất xứ: Nhật Bản	Hộp	20	
257	Mũi khoan maxi (dài 64mm, Φ 2 mm)	Mũi khoan Maxi ngắn 112-MX-301. Mũi khoan Maxi dùng bắt vít đk 2.4mm, độ dài mũi khoan 64.0mm, độ dài xoắn ren 12.0mm, đường kính mũi khoan 2.0mm. Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO 13485:2016.		10	
258	Nẹp bản rộng các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> + Thép y tế + Bề dày nẹp 4.5mm + Rộng 16mm + Chiều dài: nhiều kích cỡ. -Tuyệt trùng * Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương 	Cái	14	

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
259	Nẹp dọc cột sống	<p>Chất liệu Titanium</p> <p>Kích thước:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thanh dọc tròn thẳng: dài 40 - 200 mm, đường kính 5.5- 6.0 mm -Thanh dọc uốn sẵn: + dài 40-120mm,+ bán kính cong R155 + đường kính 5.5 - 6.0 mm <p>Trương thích vít cột sống ngực và cột sống lưng và trợ cụ.</p> <p>-Tiệt trùng</p> <p>* Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương</p>	Cái	80	
260	Nẹp khóa bản rộng	<ul style="list-style-type: none"> -Chất liệu thép không gỉ -Nẹp sử dụng vít khóa đường kính 4.5mm và 5.0mm. -Nẹp dày 5mm, rộng 16mm (hoặc tương đương) -Có từ 8 đến 14 lỗ bắt vít. -Tiệt trùng <p>* Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương</p>	Cái	14	
261	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> -Chất liệu thép không gỉ. -Nẹp khóa đầu dưới xương đùi -Có 7 lỗ ở đầu -Nẹp bắt vít đường kính 5.0mm hoặc 6.5mm -Độc thân nẹp có từ 4 đến 14 lỗ. -Sử dụng vít khóa đường kính 4.5mm và 5.0mm. -Tiệt trùng <p>* Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương</p>	Cái	14	
262	Nẹp khóa LCP mồm khuỷu	Nẹp khóa mồm khuỷu (1 nẹp 8 vít khóa 3.5mm)	Cái	14	
263	Nẹp khóa lỗ đôi đầu dưới xương chày trước bên chữ L	<ul style="list-style-type: none"> -Nẹp khóa đầu dưới xương chày trước bên chữ L, vít 3.5mm -Chất liệu: Titanium -Kích thước: rộng 13.5mm, dày 4.2mm, thân 7-15 lỗ, dài nhiều kích cỡ. -Loại vít sử dụng: vít khóa 3.5mm, vít vò 3.5mm, vít xóp 4.0mm -Nẹp hình chữ T cong uốn theo bờ trần chày, đầu nẹp có 6 lỗ khóa đơn. -Tiệt trùng <p>* Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương</p>	Cái	14	
264	Nẹp mắt xích các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Nẹp mắt xích chất liệu SS, dày 2,8mm, dài từ 5-20 lỗ tương ứng chiều dài 58-238mm, lỗ tròn, dùng vít vò đường kính 3.5 mm hoặc vít xóp đường kính 4.0mm <p>*tiêu chuẩn CE và ISO</p>	Cái	70	
265	Nẹp mini 16 lỗ thẳng	Nẹp Mini thẳng 16 lỗ 20-ST-016-R. Nẹp Mini thẳng 16 lỗ, chất liệu Titanium ASTM F67, dày 1.0mm, dùng với vít có đk 2.0mm. Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO 13485:2016.		60	

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
266	Nẹp mini 6 lỗ	Nẹp Maxi thẳng 6 lỗ 24-ST-006.Nẹp Maxi thẳng 6 lỗ, chất liệu Titanium ASTM F67, độ dày 1.3mm, dùng với vít có đk 2.4mm. Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO 13485:2016.		60	
267	Stent Kim Loại Thực Quản HV Stent Plus hoặc tương đương	Stent kim loại thực quản -Thiết kế để cố định stent, chống di chuyển -Lớp phủ silicon bên. -Nitinol sợi bền, stent tự bung -Đầu stent không sang chấn. -Được đánh dấu cân quang ở 2 đầu, dễ dàng định vị Stent -Hệ thống đặt stent chống gập * Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE/FDA hoặc tương đương	Cái	6	
268	Túi truyền áp lực	- Túi tạo áp lực - Cho phép người sử dụng chuyển từ áp suất tiêu chuẩn (<300 mmHg) sang chế độ quá áp lực (300-450 mmHg) khi cần thiết. - Có một van xả áp lực nhằm ngăn ngừa các túi bị nổ. Loại 500ml Hạn dùng 3 năm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA (Hoặc tương đương)	Cái	4	
269	Thủy tinh thể đơn tiêu	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu, mềm, 1 mảnh nguyên khối cùng chất liệu Acrylic ngâm nước - Thiết kế phi cầu mặt trước. - Vòng ngăn tế bào đục bao sau 360 ° mặt sau kính. - Lọc tia UV. Góc càng 0°. Càng chữ C. - Đường kính optic 6.0mm, chiều dài kính 12.5mm. - Hằng số A =118.4. Độ sâu tiền phòng ACD : 5.37 - Chỉ số ABBE:55- 56. - Chỉ số khúc xạ n= 1.46-1.47 - Dây diop từ -20 D đến +60 D. được lắp sẵn trong dụng cụ đặt kính - Vết mổ nhỏ 2,2 mm.	cái	120	
270	Thủy tinh thể đơn tiêu	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu, mềm, 1 mảnh ,chất liệu Acrylic khôngngâm nước lọc ánh sáng xanh. - Thiết kế phi cầu . - Càng chữ C. - Đường kính optic 6.0mm, chiều dài kính 13mm. - Hằng số A =120,2. Độ sâu tiền phòng ACD : 6.29 - Chỉ số ABBE:50- 51 - Chỉ số khúc xạ n=1.47 -1.49 - Dây diop từ 0 D đến +34 D. - Vết mổ nhỏ 2,2-2.6 mm.Thủy tinh thể lắp sẵn hoàn toàn trong cartidge+ injector dùng một lần	cái	60	

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
271	Thủy tinh thể đơn tiêu	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu, mềm, 1 mảnh ,chất liệu Acrylic không ngấm nước lọc ánh sáng xanh. - Thiết kế phi cầu trung tính chống chói . lọc ánh sáng xanh chống UV - Càng chữ C.chống dính càng - Đường kính optic 6.0mm, chiều dài kính 13mm. - Hãng số A =120,2. Độ sâu tiền phòng ACD : 6.29 - Chỉ số ABBE:52- 55 - Chỉ số khúc xạ n= 1.48-1.50 - Dãy diop từ -5 D đến +40 D. - Thủy tinh thể lắp sẵn hoàn toàn trong cartridge+ injector dùng một lần	cái	62	
272	Trâm protaper máy Dentsply	Hãng Dentsply Mỹ Vi 6 cây	Vi	20	
273	Vis maxi 14mm	Vít xương Maxi đk 2.4x14mm 24-MX-014.Vít xương Maxi, chất liệu Titanium ASTM F136, đường kính thân 2.4mm, khoảng cách bước ren 1.2mm, dài 20mm. Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO 13485:2016.		10	
274	Vis maxi 20mm	Vít xương Maxi đk 2.4x20mm 24-MX-020Vít xương Maxi, chất liệu Titanium ASTM F136, đường kính thân 2.4mm, khoảng cách bước ren 1.2mm, dài 20mm. Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO 13485:2016.		10	
275	Vis mini 8mm	Vít xương Mini đk 2.0x8mm 20-MN-008. Vít xương Mini, chất liệu Titanium ASTM F136, đường kính thân 2.0mm, khoảng cách bước ren 1.0mm, dài 8mm. Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO 13485:2016.		200	
276	Vít cố định dây chằng chéo chất liệu sinh học tự tiêu phủ Ha	- Sử dụng trong phẫu thuật tái tạo dây chằng chéo khớp gối. Có vít ren ngược phù hợp với gối phải. - Đường kính: 6, 7, 8, 9, 10, 11 mm. Chiều dài: 20, 25, 30, 35 mm. - Chất liệu: sinh học tự tiêu 75% poly-L-lactic acid PLLA kết hợp với 25% Hydroxyapatite (HA)	Cái	30	
277	Vít khóa 3.5	-Tương thích với nẹp khóa cẳng tay, tự ta-rô. -Có các chiều dài: 16-50 mm -Đường kính ren 3.5 mm, đường kính lõi 2.9 mm, đầu đường kính 5.0 mm, Đường kính mũi khoan tạo lỗ ren 2.8 mm, Tô vít lục giác 2.5 mm. -Tuyệt trùng * Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương.	Cái	120	

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
278	Vít khóa 4,5; 5.0 các cỡ	<p>Chất liệu thép không gỉ.</p> <p>-Đường kính mũ vít đều là 8mm, đường kính lỗ bắt tuốc nơ vít trên đầu mũ vít là 3.5mm, đường kính thân vít lần lượt 4.5mm và 5.0mm.</p> <p>-Chiều dài từ 20mm đến 90mm.</p> <p>-Cổ mũ vít có ren, Tương thích đồng bộ với nẹp khóa.</p> <p>-Tiệt trùng</p> <p>* Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương</p>	Cái	220	
279	Vít khóa 6.5 các cỡ	<p>-Chất liệu thép không gỉ.</p> <p>-Đường kính mũ vít là 8mm, đường kính lỗ bắt tuốc nơ vít trên đầu mũ vít là 4mm, đường kính thân vít là 6.5mm, chiều dài từ 20 đến 100mm.</p> <p>-Cổ mũ vít có ren, Tương thích đồng bộ với nẹp khóa.</p> <p>-Tiệt trùng</p> <p>* Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương</p>	Cái	70	
280	Vít neo cố định dây chằng	<p>• Thiết kế chốt: 4 lỗ, Chiều dài chốt: 12mm, chiều rộng chốt 4mm, dày 2mm.</p> <p>• Chi kéo Ultrabraid màu trắng số 5, chỉ lật Durabraid màu xanh số 5.</p> <p>• Chiều dài vòng treo gân: 10, 15, 20, 25, 30, 35 mm</p> <p>• Chất liệu: Chốt làm bằng titanium màu vàng, Vòng treo gân được tạo bởi vật liệu Continuous Polyester đường kính 5mm. Độ di lệch < 1mm. Sức căng tối đa >1300N</p>	Cái	30	
281	Vít neo cố định dây chằng	<p>- Kích thước: dài 12mm rộng 4mm dày 2mm; 8 lỗ</p> <p>- Chất liệu chốt: titanium màu xanh dương</p> <p>- Chất liệu vòng treo: Ultrahigh Molecular Weight Polyethylene (UHMWPE).</p> <p>- Điều chỉnh được chiều dài vòng treo từ 10 – 105 mmm</p> <p>- Đường kính chỉ vòng loop: 1.5 mm</p> <p>- Dùng 1 sợi chỉ polyester #2 duy nhất để kéo và lật</p> <p>- Cơ chế khoá bên trong, giúp tối đa gân trong đường hầm và tối thiểu lực siết vòng treo.</p> <p>- Vòng treo có bao bảo vệ gân.</p> <p>- Có vòng chỉ thắt giúp thắt chỉ bằng một tay</p> <p>- Sức căng tối đa >1500N, độ di lệch < 2mm</p>	Cái	50	
282	Vít thân xương 4.5mm	<p>-Đầu gài lục giác,</p> <p>-Đường kính đầu vít 8.0mm,</p> <p>-Độ cao đầu vít 4.6mm,</p> <p>-Lõi vít 3.0mm, bước ren 1.75mm, tự taro</p> <p>-Tiệt trùng</p> <p>* Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương</p>	Cái	220	
283	Vít vỏ xương 4.5mm	<p>-Dài 20-90mm,</p> <p>-Bước ren 1.75mm, tự tạo ren, đầu lục giác</p> <p>-Tiệt trùng</p> <p>* Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương</p>	Cái	50	

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
284	Vít xương cứng	-Đường kính mũ vít 6mm, đường kính lõi vít 1.9mm, đường kính thân vít có ren 3.5mm, chiều dài từ 16 đến 40 mm (hoặc tương đương)	Cái	320	
285	Vít xương cứng đk 4.5 các cỡ - Vít xương 4.5mm	-Vít xương cứng đường kính 4.5 mm, dài các cỡ. -Chất liệu thép không gỉ. -Tiệt trùng * Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Cái	30	
286	Vít xương cứng đk 4.5 x 20-60mm	-Vít xương cứng đường kính 4.5 mm, dài các cỡ, thân toàn ren chất liệu thép không gỉ. -Tiệt trùng * Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Cái	40	
287	Vít xương cứng đường kính 3.5 mm	Đường kính mũ vít 6mm, đầu mũ bắt tuốc nơ vít hình lục giác. -Đường kính lõi vít 1.9mm, đường kính thân vít có ren 3.5mm, chiều dài từ 10 đến 70mm. -Chất liệu thép không gỉ. -Tiệt trùng * Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Cái	40	
288	Vít xương cứng SYN 4.5mm, dài 40mm	-Vít xương cứng SYN -Kích thước: 4.5mm, dài 40mm -Tiệt trùng * Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Cái	50	
289	Bình chứa dịch ,kèm dây dẫn và đầu lọc vi khuẩn	- Các bình chứa dịch: + có thể tái sử dụng + Được trang bị nắp vặn có tay cầm, + vòng đệm kín silicon, + hệ thống van trống tràn tích hợp sẵn trong nắp đậy + thang đo rõ ràng bằng ml với khoảng 100 ml hoặc 200 ml, - kèm dây dẫn bằng silion và đầu lọc vi khuẩn - Dung tích: Các cỡ Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc tương đương)	Cái	40	
290	Bình chứa dịch hút đàm	- Bình chứa dịch - Chất liệu bằng nhựa không gỉ * Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Cái	58	
291	Bình khí CO2	Bình khí CO2	Bình	300	

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
292	Bình làm ấm dành cho máy thở	<ul style="list-style-type: none"> - Bình tạo ẩm oxy, được làm bằng chất liệu nhựa, kích thước 13,5 x 4,6 cm. - Thể tích tối đa 450ml. - Chất liệu: PP, SBC, silicone, aluminum - Tương thích với máy Fisher & Paykel và Draeger. - Bình tạo ẩm oxy, kích thước 13,5 x 4,6 cm. Thể tích bình là 450 ml - Tương thích hệ thống với máy thở Draeger/GE/..(hoặc tương đương) - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương 	Cái	54	
293	Bình làm ấm Oxy	<ul style="list-style-type: none"> * Bình tạo ẩm khí oxy (Làm sạch bầu không khí): - Dung tích bình làm ấm 180/200/250ml, có tích hợp lưới lọc sục khí. - Chất liệu bình làm ấm: Polycarbonat/ Plastic chịu nhiệt, có thể hấp khử trùng ở nhiệt độ 121 độ C - Có vạch chỉ thị mực nước làm ấm tối thiểu/ tối đa. - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE,ISO 13485 (hoặc tương đương) 	Cái	142	
294	Bộ điện tim	<ul style="list-style-type: none"> -Bộ điện tim cho máy điện đo tim * Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	Cái	60	
295	Bộ hút nhớt trẻ em	<ul style="list-style-type: none"> -Bộ bằng cao su, hút nhớt -Dùng cho Trẻ Em * Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	Cái	10	
296	Bộ máy huyết áp	<ul style="list-style-type: none"> -Bộ máy huyết áp * Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	Cái	170	
297	Bóng đèn halogen 250w-24v	<ul style="list-style-type: none"> -Đèn Halogen; Điện áp: 24V; Công suất: 250W * Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	Cái	44	
298	Bóng đèn halogen 50w-24v	<ul style="list-style-type: none"> -Đèn Halogen; Điện áp: 24V; Công suất: 250W * Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	Cái	100	
299	Bóng đèn nội khí quản	<ul style="list-style-type: none"> -Bóng đèn halogen đặt nội khí quản 2,5V * Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	Cái	12	

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
300	Bóp bóng người lớn, trẻ em các cỡ	- Bóng bóp: Làm bằng silicon - Túi chứa khí: Làm bằng nhựa Polyvinyl clorua (PVC). - Đường thông khí: Dùng để mở miệng bệnh nhân và phòng ngừa lưỡi bệnh nhân bịt đường khí. - Dây nối oxy: Chiều dài 2 m - Bóng bóp và mặt nạ dùng cho người lớn, trẻ em: có thể tiệt trùng bằng nồi hấp - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc tương đương)	Cái	120	
301	Bóp bóng sơ sinh	Bóng bóp: Làm bằng silicon - Túi chứa khí: Làm bằng nhựa Polyvinyl clorua (PVC). - Đường thông khí: Dùng để mở miệng bệnh nhân và phòng ngừa lưỡi bệnh nhân bịt đường khí. - - Dây nối oxy: Chiều dài 2 m - Bóng bóp và mặt nạ dùng cho sơ sinh: có thể tiệt trùng bằng nồi hấp - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc tương đương)	Cái	24	
302	bộ giác hút	bộ giác hút	Bộ	2	
303	bộ kiểm cổ tử cung	bộ kiểm cổ tử cung	Bộ	2	
304	bộ nạo	bộ nạo	Bộ	2	
305	bộ rút vòng	bộ rút vòng	Bộ	2	
306	Bộ tiểu phẫu (07 khoản)	- Bộ tiểu phẫu 07 khoản *Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Bộ	38	
307	Cán gương nha	- Cán gương nha cầu lõm lớn hơn vật. *Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	Cái	60	
308	Castroviejo Fixation Forceps (nhíp có máu)	Răng: 1x2 răng 0.5mm - Chất liệu: Titan - Chiều dài tổng thể: 105 mm - Mô tả: Bề mặt được đánh bóng, Trục thẳng	cây	4	
309	Castroviejo Needle Holder (kềm mang kim)	Cong - Hàm tiêu chuẩn - Bề mặt kẹp 11 mm - Chất liệu: Titan - Chiều dài tổng thể: 140 mm - Mô tả: Tay cầm dẹt có răng cưa	cây	4	
310	Cây banh bột	- Cây banh bột - Chất liệu bằng Inox không gỉ * Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Cái	2	
311	Cây bóc tách nướu	- Cây bóc tách nướu *Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	Cây	4	
312	Cây dũa xương	- Cây dũa xương (02 đầu thẳng) - Kích thước: Dài: 30 cm	Cây	4	
313	Cây nạo ngà	Hãng Pakistan		10	

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
314	Chêm gỗ nha khoa	- Dụng cụ chỉnh nha - Chêm gỗ nha khoa dùng khi trám xoang II, hỗ trợ tái tạo tiếp xúc bên và gai nướu hài hòa	Cái	50	
315	Chỉ thép cố định hàm	Đường kính 0,4mm/16, dài 30m		10	
316	Chổi vệ sinh dụng cụ nội soi	-Chổi vệ sinh dụng cụ, cỡ 7mm, 11mm -Chiều dài 35cm -Tương thích với hệ thống nội soi Karl Storz-Đức * Tiêu chuẩn: ISO13485/CE hoặc tương đương	Cái	106	
317	Dây nối bình hút đàm	- Dây nối - Chất liệu bằng nhựa không gỉ * Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Mét	40	
318	Đèn cồn	* Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Cái	12	
319	Đèn cực tím	- Đèn cực tím 60cm dùng để tiêu diệt vi khuẩn có hại - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc tương đương)	Cái	26	
320	Đèn trám thẩm mỹ	- Đèn trám thẩm mỹ - Smartlite Focus Dentsply Sirona - Hãng Dentsply, xuất xứ: Đức	Cái	2	
321	Điện cực cắt đốt dạng vòng	-Điện cực cắt rạch hình vòng 24Fr -Tương thích với máy Olympus * Tiêu chuẩn: ISO13485/CE hoặc tương đương	Cái	48	
322	Gắp dị vật 3 chấu, 230cm	Dụng cụ gắp dị vật dùng trong nội soi tiêu hóa: Gắp dị vật 3 chấu -Dây dẫn kim loại bọc nhựa, Dài 230cm, -Sử dụng nhiều lần -Độ mở > 25 mm * Tiêu chuẩn: ISO13485/CE hoặc tương đương	Cái	4	
323	Graefe Muscle Hook (cây chẻ nhân)	Móc: phẳng 10 mm - Kích thước: 2 (10x1.5) - Tay cầm: Phẳng răng cưa - Chiều dài tổng thể: 140 mm - Chất liệu: Tay cầm bằng titan/Đầu thép không gỉ	cây	6	
324	Giá để lam kính	Giá 100 lam * Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Cái	12	
325	Kéo móng mắt	mũi thẳng, nhọn, tay cầm dạng vòng, dài 125 mm, thép không gỉ	cây	4	
326	Kẹp cổ tử cung	Kẹp cổ tử cung, dài 25cm * Tiêu chuẩn: ISO13485/CE/FDA hoặc tương đương	Cái	6	
327	Kẹp chi	Kẹp buộc cong, Bộ buộc 4,00 mm, Dài 109 mm, Thép không gỉ, Tay cầm có răng cưa phẳng	cây	6	
328	kẹp móng mắt	Kiểu thẳng - Tay cầm dẹt - Chất liệu: Thép không gỉ - Tổng chiều dài: 72 mm - Có mẫu 1x2, thân bóng	cây	4	
329	Kềm bấm xương nha khoa	- Kềm bấm xương - Kích thước: size 152 mm - YDM Nhật Bản	Cây	4	

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
330	Kèm chân răng hàm trên	hãng pakistan	Cái	6	
331	Kèm răng cửa hàm trên	hãng pakistan	Cái	6	
332	Kèm sừng bò	hãng pakistan	Cái	6	
333	Kiểm cát bột nhỏ	- Kiểm các size - Chất liệu bằng thép không gỉ * Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Cái	2	
334	Kiểm cát nhân	- Kiểm các size - Chất liệu bằng thép không gỉ * Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Cái	2	
335	Lưỡi đèn nội khí quản số 4	Dùng cho đèn đặt nội khí quản Rister - Đức, số 4 * Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Cái	20	
336	Máy cắt bột sử dụng pin	- Máy cắt bột - Chất liệu bằng thép không gỉ * Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Cái	2	
337	Máy định vị chóp răng Apex	- Máy định vị chóp răng Apex hãng Dentsply, xuất xứ: Đức	Cái	2	
338	Máy khoan pin	- Máy khoan pin - Chất liệu bằng thép không gỉ * Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Cái	2	
339	Mỏ vịt nhựa	-Chất liệu: bằng nhựa -Cỡ: S, M,L * Tiêu chuẩn: ISO13485/CE/FDA hoặc tương đương	Cái	4.800	
340	Mũi Gate Glidden Mani số 1-6 dài 32mm	- Mũi Gate Glidde - Số 1, 2,3,4,5,6, dài 32mm	Cái	30	
341	Mũi khoan cắt xương/răng khôn 28mm	Mũi khoan cắt xương /răng khôn dài 28mm hãng Mani, xuất xứ: Nhật Bản	hộp	20	
342	Mũi Peeso Mani	Mũi Peeso Mani	Vì	6	
343	Nạy Root tip số 3	- Dụng cụ nạy chân răng Heidbrink - 3 bộ (P), (T), thẳng Kohler 6749, 6750, 6760	Cây	10	
344	Nạy thẳng các số	-Nạy thẳng các số. *Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	Cây	20	
345	Nạy thẳng trung	-Nạy thẳng trung. *Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	Cây	6	
346	Nắp đệm silicone cho trocar cỡ 5mm	-Nắp đệm trocar dùng cho trocar 5mm * Tiêu chuẩn: ISO13485/CE hoặc tương đương	Cái	240	
347	Nẹp sọ não Titanium thẳng gồm 20 lỗ, dùng vít 1,6 mm	- Vật liệu: CP Titanium (ASTM F-67) loại 1,3. - Đường kính lỗ nẹp tương thích với vít 1.6mm tự khoan, lỗ bắt vít chìm 0.4mm. - Nẹp thẳng gồm 20 lỗ bắt vít, dày ≤0.7mm - Khoảng cách giữa 2 lỗ bắt vít là 5mm - Có tay cầm cố định dài khoảng 10mm, thể hiện mã sản phẩm và tên tránh nhầm lẫn. - Độ lệch hướng so với công vào của hệ thống GE signa 3T MR nhỏ hơn 1°. Đạt chuẩn ASTM F2503-13 -Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA Mỹ.	Cái	98	

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
348	Nút cao su đậy kênh sinh thiết của máy nội soi	Chất liệu nhựa, dùng được cho tất cả các kênh sinh thiết ống soi * Tiêu chuẩn: ISO13485/CE hoặc tương đương	Cái	10	
349	Nhiệt kế độ C	Nhiệt kế thủy ngân có mức chia độ từ 35.0°C đến 42.0°C. - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc tương đương)	Cây	540	
350	Nhíp xé bao	Dài > 11.5cm, đường mỏ 2.2mm. đầu kiểu cystotome dài 11mm, tay cầm có 3 lỗ, thiết kế tiện dụng. dùng xé bao trong phẫu thuật phaco Xuất xứ: Âu/ Mỹ	cây	4	
351	Ống hút inox phẫu thuật các số	Vật liệu thép không gỉ, dk 5mm, dài 21cm, đầu cong, dùng hút dịch trong phẫu thuật miệng	Cái	24	
352	Pipet đo tốc độ máu lắng (VS)	Pipet đo tốc độ máu lắng được dùng trong bộ giá VS để đo tốc độ lắng máu. Ống đo lắng máu được sản xuất theo tiêu chuẩn DIN EN ISO 13079 bằng thủy tinh trong suốt vạch xanh. Pipet đo tốc độ lắng máu có chiều dài gần 300mm	Cây	10	
353	Pipet Pasteur nhựa 3ml	-Pipet nhựa -Thể tích: 3ml * Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Cái	1.000	
354	pump (bấm mỏng mắt)	Đường kính đầu 1.0 mm, vết đục 0.75mm, tay cầm có tác dụng bóp ép. Xuất xứ: Âu/ Mỹ	cây	4	
355	Que thông lệ đạo (size 0000 & 000;00 & 0)	, Size 0000-000, dài 133 mm, Chất liệu: Thép không gỉ	cây	4	
356	Troca nhựa dùng trong phẫu thuật nội soi các loại, các cỡ	Trocar nhựa trong suốt -Chất liệu: Vô từ polyamide, Polysoprene và silicon oil. Lõi từ Polyamide, Acrylonitrile-butadiene-styrene -Đường kính: 12mm -Dài 100mm * Tiêu chuẩn: ISO13485/CE hoặc tương đương	Cái	40	
357	Van huyết áp cơ	Van huyết áp cơ	Cái	34	
358	Vít đa trục cột sống lưng, loại hai ren, đuôi vít rời , kèm ốc khóa trong	- Vít đa trục cột sống lưng, loại hai ren, đuôi vít rời DIPLOMAT kèm ốc khóa trong * Tiêu chuẩn ISO 13485 (hoặc tương đương)	Cái	222	
359	Vít sọ não Titan loại tự khoan (Tự taro) đường kính 1,6 mm, dài 4 mm. Sử dụng trong vá sọ bằng miếng vá khuyết sọ và nẹp Titanium	- Vật liệu: Titanium CP1 , CP3 - Kích thước và quy cách: 1.6mmx4mm x6. - Vít tự khoan, bước ren đơn, không cần khoan môi. Khoảng cách giữa các bước ren là 0.95mm-1mm, đường kính trong 1.3mm, đường kính ngoài ≤2.7mm . - Đầu vít hình chữ thập, đầu bắt vít cao ≤0.95mm , góc vít chìm khi sử dụng với nẹp. - Độ lệch hướng so với cổng vào của hệ thống GE signa 3T MR nhỏ hơn 1°. Đạt chuẩn ASTM F2503-13 - Tương thích với bộ trợ cụ timesh - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA Mỹ.	Cái	1.199	

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
360	Westcott Type Stitch Sissors(kéo kết mạc)	Nhọn - Tay cầm: Phẳng - Vật liệu: thép không gỉ - Chiều dài tổng thể: 120 mm - Mô tả: 21 mm từ vít giữa đến đầu	cây	4	
361	Xi măng dùng trong tạo hình đốt sống SPINE FIX hoặc tương đương	* Thành phần Xi măng xương PMMA (polymetyl-metaacrylat) gồm: Bột Polimer chứa hạt HA (Hydroxyapatite) và dung dịch Monomer. * Tính tương hợp sinh học cao nhờ thành phần Hydroxyapatite * Sản phẩm có độ nhớt phù hợp và an toàn để tránh rò rỉ vào vùng nhạy cảm khi bơm vào xương sống. * Tác nhân cản quang: 35% (25% BaSO4 + 10% HA) * Sản phẩm đóng gói tiệt trùng sẵn.	Cái	20	
362	Panel định danh vi khuẩn Gram âm	- Dùng để định danh các loại vi khuẩn Gram âm hiếu khí và kỵ khí tùy nghi. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng tối thiểu là: ISO 13485.C1540	Panel	600	
363	Panel định danh vi khuẩn Gram dương	- Dùng để định danh các loại vi khuẩn Gram dương hiếu khí và kỵ khí tùy nghi - Đạt tiêu chuẩn chất lượng tối thiểu là: ISO 13485.	Panel	800	
364	Panel kháng sinh đồ Gram âm	Dùng để thử nghiệm độ nhạy cảm của hầu hết các loại vi khuẩn Gram âm hiếu khí và kỵ khí tùy nghi - Đạt tiêu chuẩn chất lượng tối thiểu là: ISO 13485.	Panel	600	
365	Panel kháng sinh đồ Gram dương	- Dùng để thử nghiệm độ nhạy cảm của hầu hết các loại vi khuẩn Gram dương hiếu khí và kỵ khí tùy nghi - Đạt tiêu chuẩn chất lượng tối thiểu là: ISO 13485.	Panel	800	

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
366	Chất xử lý tế bào Clearant	<p>ko mùi) - (Zero Xylene™ Xylene Substitute, Odorless)</p> <p>- Ứng dụng: Một hydrocarbon aliphatic (hydrocarbon không vòng) không mùi, không nhờn, thay thế cho Xylene trong phòng thí nghiệm giải phẫu bệnh – quá trình xử lý mô, khử parafin và làm sạch sau khi khử nước trong quá trình nhuộm. Zero Xylene™ là một loại hóa chất thay thế xylen an toàn nhưng hiệu quả, không làm quá cứng mẫu vật và an toàn khi sử dụng trong cả bộ xử lý mô mờ và đóng.</p> <p>- Tính chất vật lý:</p> <p>- Dung dịch dạng lỏng, không màu, không mùi, không nhờn</p> <p>- Công thức phân tử: 0,740 đến 0,76 ở 15,6 °C</p> <p>- Điểm sôi và Phạm vi sôi: 118°C tới 150°C</p> <p>- Điểm chớp cháy: 14°C tới 18°C</p> <p>- Trọng lượng riêng / Mật độ tương đối: SG = 0,74-0,76 ở 15,6 °C</p> <p>- Mật độ = 6,34</p> <p>- Tính dễ cháy (rắn / khí): 100% dễ bay hơi</p> <p>- Mật độ hơi: 4.1</p> <p>- Áp suất hơi: 1,5 kPa ở 20,0 °C</p> <p>- Tốc độ bay hơi: 1.0 (n-Butyl Acetate = 1)</p>	Can	38	
367	Hóa chất xét nghiệm protein trong nước tiểu và dịch não tủy người	<p>- Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng protein trong nước tiểu và dịch não tủy người</p> <p>- Hộp : 150 test</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE hoặc tương đương</p>	Hộp	4	
368	Hóa chất xét nghiệm Tranferin	<p>- Phương pháp: Phương pháp đo độ đục miễn dịch</p> <p>- Hộp 100 test</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE hoặc tương đương</p>	Hộp	10	
369	Hoá chất xét nghiệm định lượng Amoniac	<p>Định lượng Ammoniac trong huyết tương người</p> <p>Thành phần phản ứng: Dung dịch đệm nước chứa ammonia, ethanol và natri bicarbonate</p> <p>Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE hoặc tương đương</p>	Hộp	10	
370	Hoá chất xét nghiệm LACTATE	<p>- Hóa chất xét nghiệm in vitro dùng để định lượng lactate trong huyết tương và dịch não tủy người</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE hoặc tương đương</p>	Hộp	10	
371	Chương trình Ngoại kiểm Riqas Cyfra21-1	<p>Chương trình ngoại kiểm Cyfra đáp ứng thông số Cyfra 21-1 (Cytokeratin 19) hoặc tương đương. Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.</p>	HỘP	2	

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
372	Bộ test xét nghiệm h.pylori hơi thở	"- Xét nghiệm Ure C14 qua hơi thở giúp chẩn đoán tâm soát lây nhiễm Helicobacter pylori gây bệnh dạ dày - Cho kết quả: trong 15 phút - Độ nhạy: 100 % - Độ đặc hiệu: 99% - Sử dụng tương thích với máy HUBT-20P - TCCL: ISO 13485 hoặc CE (hoặc tương đương)"	bộ	800	
373	Acetic acid (glacial) 100% anhydrous GR for analysis ACS,ISO,Reag. Ph Eur	Điểm sôi 116 – 118 ° C (1013 hPa) Tỉ trọng 1,05 g / cm ³ (20 ° C) Giới hạn nổ 4 – 19,9% (V) Điểm sáng 40 ° C Nhiệt độ bốc cháy 485 ° C Độ nóng chảy 17 ° C giá trị pH 2,5 (50 g / l, H ₂ O, 20 ° C) Áp suất hơi 15,4 hPa (20 ° C) Động học độ nhớt 1,17 mm ² / s (20 ° C) Độ hòa tan 602,9 g / l hòa tan	chai	2	
374	ACID ACETIC	ACID ACETIC	lít	2.000	
375	Acid hydrochloric	- Acid hydrochloric= Dung dịch hydro clorua - Chất lỏng, bốc khói - Hàm lượng: ≥ 37% - Tỷ trọng: 1,00 g/cm ³ (20 ° C) - pH: 1,2 (H ₂ O, 20 ° C) - Chai: 1 lít - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương	chai	2	
376	Acid nitric	- Chất lỏng - Thành phần: acid Nitric (HNO ₃) - Điểm sôi: 121 ° C (1013 hPa) - Tỷ trọng: 1.39 g/cm ³ (20 ° C) - Độ nóng chảy: -32 ° C - pH < 1 - Độ tinh khiết: ≥ 65.0 % - Chai 2,5 lít - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương	chai	2	
377	Amoniac 25%	- Dung dịch Amiac 25% - Độ tinh khiết : 99,9% - Tỷ trọng: 0,792 g/cm ³ - Điểm nóng chảy: -98°C g/L - Chai 1 lít - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương	chai	2	
378	Bộ hồng cầu mẫu	Bộ hồng cầu mẫu	Bộ	6	
379	Bộ nhuộm Zeihl Neelsen	Chai 500 ml gồm 3 chai / bộ (Methylene Blue , Carbol Fuchsin , Huydrochoric acid in ethanol)	bộ	20	
380	Côn 80	Côn 80	Can	2	
381	Côn 90	Côn 90	Can	2	
382	Côn 96	Côn 96	Can	2	
383	Côn tuyệt đối 99.5	Côn Ethanol tuyệt đối, là alcohol tinh khiết - Công thức: C ₂ H ₅ OH. - Không màu - pH : 7 - Độ tinh khiết: ≥ 99.5% - Chai : 1 lít - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương	chai	150	

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
384	Chai cây máu	-Chai cây máu hai pha -Chai bằng nhựa polystyrene -Dung tích 125ml * Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Chai	5.508	
385	Chương trình Ngoại kiểm Riqas BNP	Chương trình ngoại kiểm BNP. Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.	HỘP	2	
386	Chương trình Ngoại kiểm Riqas Tốc Độ Máu Lắng	Chương trình ngoại kiểm tốc độ máu lắng. Gồm 1 thông số ESR. Có chu kỳ bắt đầu tháng 3 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.	HỘP	10	
387	Dầu soi kính hiển vi	- Dầu soi kính hiển vi - Dạng lỏng, nhớt, trong suốt dùng soi kính hiển vi. - Chỉ số khúc xạ khoảng 1,5 - Chai: 100ml - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương	Chai	32	
388	Dung dịch Acid Acetic 3%	- Acid Acetic - Công thức CH ₃ COOH - Nồng độ: 3% - Dùng trong sản phụ khoa - Chai 500ml - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương		6	
389	Dung dịch Lugol 3%	Thành Phần: 20ml dd - Iod 0,2g - Kali Iodid 0,4g - Chai 200ml - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương	Chai	10	
390	Dung dịch sát trùng ống tủy	- Dùng để sát trùng ống tủy - Thành phần: Cresophene gồm parachlorophenol, thymol and camphor và dexamethasone làm giảm sưng viêm - Lọ: 13ml	Lọ	2	
391	Đầu col có lọc	- Dùng cho các xét nghiệm sinh học phân tử, đảm bảo ngăn ngừa lây nhiễm chéo - Làm bằng nhựa HDPE. - Kích cỡ: Đầu col có lọc 1 - 20 microlit ,đầu col có lọc 20 - 200 microlit, đầu col có lọc 200 - 1000 microlit .		5.000	
392	Đầu col vàng 2 - 200 ul	-Đầu col Vàng 2- 200µl -Bằng nhựa PP, có khóa hoặc không khóa * Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Cái	146.000	
393	Đầu col xanh 100- 1000 mcl, có khóa và không khóa	-Đầu col xanh 100- 1000µl -Bằng nhựa PP, có khóa hoặc không khóa * Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Cái	180.000	
394	Formol	- Công thức phân tử HCHO, - Nồng độ: 37-40%, - Dùng để làm chất cố định bệnh phẩm. - Chai: 1 lít - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Chai	206	

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
395	Khuyên cấy nhựa	Que cấy vi sinh bằng nhựa PE, 1ul, đầu tròn và đầu thẳng * Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Cái	130	
396	Mực nhuộm bao	- Mực nhuộm bao - Trypan blue 0,06%/0.6mg/1ml (hoặc tương đương), - Lọ 1ml - Dùng trong mô độc thủy tinh thể.	Lọ	24	
397	Ống Falcon đáy nhọn 50ml	Ống Falcon đáy nhọn 50ml	cái	4.500	
398	Ống nghiệm heparin	-Ống nhựa PP 5ml (12 x 75mm) -Có chứa chất kháng đông Heparin Lithium 1ml hoặc 2ml -Nắp màu đen * Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Ống	204.750	
399	Ống nghiệm Serum hạt nhỏ nắp đỏ	- Ống nghiệm nhựa, kích thước 13 x 75mm - Dung tích tối đa 6 ± 0.1 ml, nắp nhựa màu đỏ. - Hóa chất bên trong là hạt nhựa Polystyrene.	Cái	26.636	
400	Parafin hạt	Sáp Parafin hạt tinh khiết chuyên dùng để vùi đúc mẫu bệnh phẩm với các chất phụ gia để tăng cường khả năng thẩm thấu, tạo độ đàn hồi và giúp cắt mẫu dễ dàng. - Trạng thái vật lý: Rắn - Màu sắc: Trắng (Rõ ràng ở trạng thái nóng chảy) - Mùi: Hydrocarbon nhẹ - Điểm đóng băng / Điểm nóng chảy: 54.4 – 57.2°C - Điểm chớp cháy: 212.78 °C - Thành phần gồm có: Sáp paraffin tinh khiết và sáp Hydrocarbon > 99%, Benzen, ethenyl-, polymer với 1-methylethenyl) benzen, hydro hóa < 1% - ISO 13485	túi	20	
401	HNO3 65%	Trạng thái: Thể lỏng Màu sắc: Không màu Ngưỡng mùi: 0,27 ppm (chất khan) Độ pH: < 1 (20°C) Điểm nóng chảy: - 32°C Điểm sôi: 121°C (1013 hPa) Áp suất hơi: 9,4 hPa (20°C) Mật độ: 1,39 g/cm ³ (20°C) Tính tan trong nước: Hòa tan ở 20°C Bảo quản: Nhiệt độ từ +2°C đến +30°C	ml	2.500	

STT	Tên thuốc/Hàm lượng	TNKT	ĐVT	SL mua sắm thêm	GHI CHÚ
402	CH ₃ COOH 100%	Điểm sôi 116 – 118 ° C (1013 hPa) Tỉ trọng 1,05 g / cm ³ (20 ° C) Giới hạn nổ 4 – 19,9% (V) Điểm sáng 40 ° C Nhiệt độ bốc cháy 485 ° C Độ nóng chảy 17 ° C giá trị pH 2,5 (50 g / l, H ₂ O, 20 ° C) Áp suất hơi 15,4 hPa (20 ° C) Động học độ nhớt 1,17 mm ² / s (20 ° C) Độ hòa tan 602,9 g / l hòa tan	ml	1.000	
403	HCl 37%	Khối lượng riêng: 1.19 g/cm ³ (20°C) Độ pH: <1 (H ₂ O, 20°C) Điểm đông đặc: - 30°C Áp suất hóa hơi: 190 hPa ở 20°C Tính tan trong nước: Ở 20°C hòa tan được Ngưỡng mùi: 0,8 – 5 ppm Nhiệt độ bảo quản: +2°C đến +25°C Thành phần: HCl : 37.0 – 38.0 % Cl tự do ≤ 0.4 ppm Bromide (Br) ≤ 50 ppm Phosphate (PO) ≤ 0.5 ppm Sulphate (SO) ≤ 0.5 ppm Sulfit (SO) ≤ 0.5 ppm Kim loại nặng(như Pb) ≤ 1 ppm Ag (Silver) ≤ 0.020 ppm Al (Aluminium) ≤ 0.050 ppm	ml	1.000	
404	NH ₃ 25%	Điểm sôi 32 ° C Tỉ trọng 0,90 g / cm ³ (20 ° C) Giới hạn nổ 15,4 – 33,6% (V) Độ nóng chảy -72 ° C giá trị pH > 12 (H ₂ O, 20 ° C) có tính kiềm mạnh Áp suất hơi 635 hPa (20 ° C)	ml	1.000	
405	NaH ₂ PO ₄	Tỷ trọng: 1,915 g / cm ³ (20 ° C) Độ nóng chảy: 60 ° C Giá trị pH: 4,5 (12 g / l, H ₂ O, 25 ° C) Mật độ hàng loạt: 1000 kg / m ³ Độ hòa tan: 850 g / l	g	1.000	
406	NaH ₂ PO ₄ khan	Tên hóa học :Sodium dihydrogen phosphate Công thức: NaH ₂ PO ₄ Tên khác: Sodium phosphate monobasic dihydrate, axit sodium phosphate, bột orthophosphate, monosodium phosphate, Sodium dihydrogen phosphate, Msp, monobasic sodium phosphate; sodium biphosphate Ngoại quan: bột tinh thể màu trắng	g	50	

Tổng cộng: 406 khoản

Châu Đốc, ngày 24 tháng 05 năm 2024

GIAM ĐỐC



BS. CKII Nguyễn Văn Hưng